

**Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các loài cây
thuốc ở vùng đệm vườn quốc gia Yok Don**

(Báo cáo kết quả thực hiện đề tài)



Tri thức bản địa sử dụng cây thuốc và bài thuốc thuộc sở hữu của các cộng đồng dân tộc thiểu số vùng đệm Vườn Quốc Gia Yok Đôn

Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc ở vùng đệm vườn quốc gia Yok Don

Tên công trình: Điều tra tài nguyên cây thuốc vườn quốc gia Yok Don

Địa điểm công trình: Vườn quốc gia Yok Don và vùng đệm

Đơn vị quản lý: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đơn vị chủ quản: Vườn quốc gia Yok Don

Đơn vị thực hiện: Trường Đại học Tây Nguyên

Chủ trì: PGS.TS. Bảo Huy

Thực hiện chính: Th.S. Nguyễn Đức Định

Cố vấn kỹ thuật: KS. Hồ Viết Sắc - Cục lâm nghiệp

Cộng tác viên: Th.S. Nguyễn Thị Thanh Hương, Th.S. Võ Hùng, Th.S. Cao Thị Lí

Với sự tham gia của cán bộ kỹ thuật vườn quốc gia Yok Don

Thời gian thực hiện: Năm 2002 - 2004

Đơn vị thực hiện

Trường Đại học Tây Nguyên

Chủ trì

Hiệu trưởng

Đơn vị chủ quản

Vườn quốc gia Yok Don

Giám đốc

PGS.TS. Bảo Huy

Mục lục

Danh sách các bảng biểu	iv
Lời cảm ơn	v
1 Đặt vấn đề.....	1
2 Mục tiêu nghiên cứu	2
3 Đối tượng, địa điểm nghiên cứu:	2
4 Tổng quan vấn đề nghiên cứu	3
5 Phương pháp nghiên cứu	5
5.1 Phương pháp nghiên cứu tri thức, kinh nghiệm địa phương trong sử dụng thảo mộc làm các bài thuốc.....	5
5.2 Phương pháp điều tra mô tả lấy tiêu bản cây thuốc	5
5.3 Phương pháp xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển cây thuốc	5
5.4 Phương pháp tổng hợp.....	5
6 Kết quả nghiên cứu.....	8
6.1 Các bài thuốc bản địa.....	8
6.2 Danh lục, tiêu bản về cây thuốc bản địa	9
6.2.1 Danh lục, tiêu bản cây thuốc	9
6.2.2 Các loài cây thuốc quan trọng	10
6.3 Phân bố, mức độ phong phú và cơ sở dữ liệu các loài cây thuốc	11
6.4 Xây dựng vườn sưu tập cây thuốc	19
7 Kết luận và kiến nghị	24
7.1 Kết luận.....	24
7.2 Kiến nghị.....	24
Tài liệu tham khảo	26
Phụ lục	27
Phụ lục 1: Danh sách người dân cung cấp tri thức cây thuốc, bài thuốc	27
Phụ lục 2: Danh sách tham gia nghiên cứu	30
Phụ lục 3: Các phiếu điều tra, thu thập bài thuốc, cây thuốc.....	31
Phụ lục 4: Tổng hợp bài thuốc, cây thuốc theo nhóm bệnh.....	33
Phụ lục 5: Thống kê các loài cây thuốc theo Họ, Chi, loài.....	55
Phụ lục 6: Sơ đồ vườn cây thuốc cộng đồng buôn Drăng Phok.....	61
Phụ lục 7: Danh mục loài cây thuốc có tại vườn thuốc buôn Drăng Phok	66

Danh sách các bảng biểu

Bảng 1: Thống kê số bài thuốc theo nhóm công dụng	8
Bảng 2: Thông tin dữ liệu về phân bố, tọa độ, độ phong phú các loài cây thuốc.....	13
Bảng 3: Thống kê loài và số cây thuốc trồng trong vườn cây thuốc cộng đồng Buôn Drăng phok (01ha)	21
Bảng 4: Thống kê số loài và số cây thuốc trồng trong vườn cây thuốc VQG Yok Đon (01ha)	22

Lời cảm ơn

Đề tài được hoàn thành và có kết quả tốt là nhờ sự tham gia, đóng góp quý báu sau đây:

- Đồng bào ở 10 buôn thuộc vùng đệm vườn quốc gia YoK Đôn: Buôn Tul A, B; Buôn Đôn, Drăng Phok, Jang Lành, Ea Mar, Ea Rông, Trí; Buôn Rếch, Nà Xước. Với 93 người dân đã tham gia sưu tầm, cung cấp các tri thức về quản lí và sử dụng các bài thuốc dân gian và các cây thuốc bản địa. Đặc biệt là sự tham gia tích cực của cộng đồng buôn Drăng Phok trong xây dựng vườn cây thuốc cộng đồng tại buôn.
- Sự hỗ trợ và giúp đỡ của lãnh đạo và các phòng liên quan của vườn quốc gia Yok Đôn về điều kiện để thực hiện đề tài
- Tư vấn và tham gia tích cực của KS. Hồ Viết Sắc, người đã đề xuất ý tưởng thực hiện đề tài này và làm cầu nối giữa nhóm nghiên cứu Đại học Tây Nguyên với vườn quốc gia Yok Đôn, Cục lâm nghiệp trong việc tổ chức thực hiện đề tài.
- Sự tham gia, chia sẻ và giám sát của cán bộ phòng kỹ thuật vườn quốc gia
- Th.S. Nguyễn Đức Định, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy Đại học Tây Nguyên là người đã đóng góp nhiều công sức trong sưu tập bài thuốc, cây thuốc và giám định các tiêu bản thực vật
- Sự tham gia với phương pháp tiếp cận cộng đồng thích hợp của nhóm nghiên cứu Đại học Tây Nguyên: Th.S. Nguyễn Thị Thanh Hương, Th.S. Võ Hùng, Th.S. Cao Thị Lí; đã giúp cho việc thu thập có hiệu quả tri thức bản địa về tài nguyên cây thuốc trong các cộng đồng dân tộc thiểu số.
- Sự tham gia của sinh viên lâm nghiệp khoá 1998 và 1999 thuộc khoa nông lâm - Đại học Tây nguyên.
- Phòng tiêu bản thực vật của bộ môn lâm sinh, khoa nông lâm, Đại học Tây Nguyên đã tham gia tốt việc làm các tiêu bản thực vật cây thuốc
- Lãnh đạo và các phòng ban liên quan của trường Đại học Tây Nguyên đã hỗ trợ, giúp đỡ tạo điều kiện cho nhóm nghiên cứu để có thể hoàn thành được đề tài

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn tất cả những cá nhân, cơ quan, tổ chức nói trên và hy vọng kết quả của đề tài sẽ là một đóng góp hữu ích cho việc bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc có hiệu quả ở vườn quốc gia Yok Đôn và góp phần bảo tồn và phát huy tri thức bản địa về sử dụng thảo mộc làm thuốc của các cộng đồng dân tộc thiểu số ở vùng đệm.

Thay mặt nhóm nghiên cứu

PGS.TS. Bảo Huy

1 Đặt vấn đề

Vấn đề bảo tồn tài nguyên cây thuốc cũng như tri thức bản địa trong sử dụng thảo mộc để trị bệnh là một việc làm cần thiết. Ngoài việc điều tra phát hiện, thống kê để bảo tồn tài nguyên, công tác này còn giúp cho việc phát hiện và phát huy các kiến thức kinh nghiệm dân gian trong sử dụng cây thuốc.

Vườn quốc gia Yok Don là nơi bảo tồn hệ sinh thái rừng khộp cùng với các hệ sinh thái rừng bán thường xanh, thường xanh, các kiểu sinh cảnh sông suối, ngập nước. Chính vì sự đa dạng về sinh cảnh này đã chứa đựng sự phong phú của thực vật, đặc biệt là thực vật làm thuốc trị bệnh. Bên cạnh đó sự đa dạng và giao thoa kiến thức kinh nghiệm của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số ở đây như M'Nông, Ê đê, Lào và Kinh đã tạo nên một kho tàng về tri thức sử dụng tài nguyên rừng trong điều trị bệnh. Phát hiện cả hai mặt thực vật dùng làm thuốc và kinh nghiệm dân gian trong quản lý, thu hoạch, chế biến thực vật để làm ra các bài thuốc là một vấn đề có ý nghĩa không chỉ hỗ trợ cho tiến trình bảo tồn thực vật mà còn bảo tồn và phát huy tác dụng các tri thức bản địa, văn hoá đang được lưu truyền không thành văn này.

Kết quả của công trình nghiên cứu này góp phần bổ sung cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh vật cho vườn quốc gia, đồng thời phát hiện và định hướng cho việc phát triển quản lý kiến thức sinh thái về cây thuốc của cộng đồng dân tộc thiểu số sống trong vùng đệm.

Đề tài được thực hiện trong các năm 2002 và 2003, với sự tham gia của 10 buôn đồng bào dân tộc thiểu số trong vùng đệm vườn quốc gia Yok Đôn, sản phẩm đã đạt được của đề tài này là:

- Tập báo cáo về mục tiêu, phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu thực vật dân tộc học, các kết quả chính đã đạt được của đề tài.
- Tập 207 bài thuốc và 172 loài thảo mộc dùng làm thuốc dựa vào tri thức bản địa
- Tập giới thiệu chi tiết, hình ảnh màu minh hoạ, bản đồ phân bố và toạ độ UTM/GPS của 32 loài thực vật quan trọng dùng làm thuốc.
- Bản đồ vị trí phân bố cây thuốc trong vườn quốc gia Yok Đôn.
- Toàn bộ tiêu bản khô của các loài cây làm thuốc
- Các tập hình ảnh của các loài thực vật làm thuốc
- 02 vườn sưu tập cây thuốc bản địa, mỗi vườn 01 ha: 01 ở vườn quốc gia và 01 ở buôn Drăng Phok.
- Đĩa CD lưu trữ các báo cáo, cơ sở dữ liệu, liên kết để tra cứu bài thuốc, cây thuốc

2 Mục tiêu nghiên cứu

Công trình nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

- Khảo sát, thu thập tri thức của các cộng đồng dân tộc thiểu số trong vùng đệm vườn quốc gia Yok Don về các cây thuốc, bài thuốc dân gian, công dụng, cách thu hái, pha chế và sử dụng.
- Điều tra, mô tả hình thái, phân bố, sinh thái, định danh, lập danh lục, tiêu bản thực vật khô và ảnh màu, tọa độ vị trí và lập bản đồ của các cây thuốc hiện diện trong vườn quốc gia Yok Don và trong vùng đệm.
- Hệ thống hoá các bài thuốc, cây thuốc; xây dựng các tập bài thuốc và cây thuốc bản địa thuận tiện cho việc tra cứu, bảo tồn tài nguyên cây thuốc bao gồm tri thức bản địa và các loài thảo mộc dùng làm thuốc truyền thống
- Xây dựng 02 vườn sưu tập và bảo tồn cây thuốc bản địa dựa vào cộng đồng
- Tạo lập cơ sở dữ liệu về tài nguyên cây thuốc để quản lí, ưu trữ và cập nhật trong đĩa CD.

3 Đối tượng, địa điểm nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu là tài nguyên cây thuốc bản địa, bao gồm: Tài nguyên thảo mộc làm thuốc và tri thức bản địa trong sử dụng thảo mộc làm thuốc
 - Tài nguyên thực vật trong vườn quốc gia Yok Don
 - Tri thức bản địa về sử dụng thảo mộc làm thuốc của cộng đồng dân tộc thiểu số Lào, Ê đê, M'Nông sống trong vùng đệm vườn quốc gia Yok Don. Đối tượng tham gia cung cấp thông tin là những người am hiểu về thực vật cây thuốc, người già và đại diện cho các dân tộc chính trong vùng. Trong 10 buôn đã có 94 người dân tham gia vào tiến trình cung cấp thông tin và khảo sát trên hiện trường. Danh sách người dân tham gia trong 10 buôn thể hiện trong phụ lục 1.
- Địa điểm:
 - Thu thập tri thức bản địa về cây thuốc, bài thuốc ở 10 buôn thuộc 03 xã trong vùng đệm: Buôn Tul A, B thuộc xã Ea Wer; Buôn Đôn, Drăng Phok, Jang Lành, Ea Mar, Ea Rông, Trí thuộc xã Krông Na; Buôn Rếch, Nà Xước thuộc xã Ea Huar.
 - Các sinh cảnh, hệ sinh thái nghiên cứu: Các kiểu rừng khác nhau trong vùng đệm và vùng lõi vườn quốc gia Yok Don: Rừng khộp, thường xanh, bán thường xanh, sinh cảnh ngập nước, ven sông, suối....

4 Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Việt Nam là một trong những nước có tài nguyên thực vật làm thuốc rất đa dạng nhờ sự phong phú của các khu phân bố, hệ sinh thái và các sinh cảnh ở các vùng khí hậu, thổ nhưỡng khác nhau. Từ lâu đã có nhiều nhà khoa học quan tâm về việc sưu tầm, phát hiện các loài cây, thảo mộc để trị bệnh.

Sách "Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam" của GS. Đỗ Tất Lợi (1999) giới thiệu 800 cây con và vị thuốc. Sách "Cây thuốc Việt Nam" của Lương y Lê Trần Đức (1997) có ghi 830 cây thuốc. Cuốn "Từ điển cây thuốc Việt Nam" của TS. Võ Văn Chi (1997) đã thống kê khoảng 3200 loài cây thuốc, nhưng trong đó lại có cả những cây nhập nội như bạch chỉ (*Angelica dahurica*), đương quy (*Angelica sinensis*), độc hoạt (*Angelica pubescens*)... và theo số liệu mới nhất của Viện dược liệu (2000) thì ở Việt Nam có 3830 loài cây làm thuốc. Chắc chắn đây chưa phải là con số cuối cùng (Trần Công Khánh, 2000).

Quả đúng như vậy, tài nguyên thảo mộc làm thuốc của chúng ta thực sự phong phú và chưa được khám phá tường tận phục vụ cho đời sống và sức khỏe của con người, trong khi đó nguồn tài nguyên rừng tự nhiên của chúng ta đang suy giảm nghiêm trọng; điều này đã dẫn đến hậu quả suy giảm sự đa dạng sinh vật, thảo mộc và đang có nguy cơ làm mất đi những loài cây làm thuốc có giá trị.

Vì vậy nghiên cứu để phát hiện, bảo tồn và phát triển để sử dụng bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc bản địa là một việc làm cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

Đa số cây thuốc bản địa mọc ở nơi hoang dã, vùng rừng núi nơi cư trú của các cộng đồng dân tộc thiểu số; họ đã có hàng ngàn đời nay cùng tồn tại với tự nhiên, sử dụng thảo mộc để chống chọi với bệnh tật, và điều này đã hình thành một kho tàng tri thức bản địa về sử dụng cây thuốc.

Nhiều nghiên cứu trước đây hoặc quá nặng về nghiên cứu khoa học thực vật làm thuốc mà chưa chú ý đến những tri thức bản địa và kinh nghiệm tích lũy bao đời nay trong nhân dân; hoặc cũng có nhiều nhà khoa học xã hội quan tâm đến kiến thức bản địa trong các cộng đồng dân tộc thiểu số, nhưng kiến thức sử dụng cây thuốc của từng cộng đồng chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ và đang có nguy cơ thất truyền.

Sự đa dạng về dân tộc của Việt Nam và sự giao thoa văn hoá của nó cũng tạo nên sự phong phú, kế thừa kinh nghiệm trong sử dụng thảo mộc làm thuốc. Nguồn cây cỏ phong phú và tri thức về cách sử dụng chúng để làm thuốc là hai mặt của vấn đề tài nguyên cây thuốc. Giả thử, trong một quốc gia hay một khu vực tuy có nhiều cây thuốc nhưng nếu không có hoặc chỉ có ít người biết sử dụng chúng thì những cây thuốc đó rất ít ý nghĩa, hoặc chúng cũng giống như cỏ cây hoang dại chẳng có ích gì (Trần Công Khánh, 2000)

Như vậy Việt Nam có cả hai yếu tố tạo nên sự đa dạng tài nguyên cây thuốc là sự đa dạng thảm thực vật và đa dạng văn hoá, tri thức bản địa trong các cộng đồng dân tộc

Nhưng thực tế hiện nay chỉ có các công trình khoa học công bố về thực vật cây thuốc, ít thấy tài liệu cây thuốc, bài thuốc nào ghi nhận tên tuổi những người dân bình thường trong các dân tộc thiểu số với những bài thuốc có hiệu quả của họ, điều này cho thấy việc sưu tập tri thức bản địa đã xem nhẹ “bản quyền”, sở hữu trí tuệ của các cộng đồng dân tộc bản địa.

Từ 1993 đến nay Trung tâm nghiên cứu và phát triển cây thuốc dân tộc cổ truyền (CREDEP) ở Hà Nội, đã và đang tiến hành điều tra, nghiên cứu về tài nguyên cây thuốc tại cộng đồng các dân tộc Tày, Dao, Mường, Sán Chay, Sán Dìu, Rục... ở một số khu vực trên miền Bắc và miền Trung, theo các phương pháp mới của thực vật dân tộc học. Đồng thời cũng triển khai các dự án nghiên cứu bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên những cây có ích, trong đó có cây làm thuốc.

Bảo tồn tài nguyên cây thuốc là một nhiệm vụ đặt ra cho chúng ta hiện nay, nếu không làm điều này chúng ta sẽ để mất đi một nguồn tài nguyên, di sản quý báu và không thể nào cứu vớt.

Điểm qua các vấn đề nghiên cứu này cho thấy một số điểm cần tiếp tục thảo luận và nghiên cứu thêm là:

- Cần tiếp tục phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu, phát hiện và bảo tồn tài nguyên cây thuốc cả về tri thức bản địa và thực vật. Phương pháp luận thực vật dân tộc học là một con đường đúng đắn, tuy vậy cũng cần phát triển thêm cách tiếp cận thích hợp để có thể sưu tầm, phát triển một cách đầy đủ và hệ thống hơn tri thức bản địa ẩn náu trong nhân dân
- Tiếp cận phát hiện cây thuốc và kinh nghiệm sử dụng chúng là chưa đủ; trong thực tế bệnh được chữa theo bài thuốc; mỗi bài có thể có nhiều cây thuốc; mỗi cây thuốc nào đó có thể có công dụng và giá trị khác nhau khi trong bài thuốc khác nhau. Do đó tiếp cận theo bài thuốc là một cách làm để phát hiện được toàn diện và hệ thống tri thức bản địa trong sử dụng cây thuốc
- Cần có chương trình nghiên cứu tài nguyên cây thuốc cho từng vùng sinh thái và nhân văn khác nhau ở Việt Nam để có thể bảo tồn toàn bộ di sản văn hoá, tri thức của dân tộc, đặc biệt phục vụ cho sức khoẻ con người.

Công trình nghiên cứu này với mong muốn giải quyết và đáp ứng một phần các yêu cầu trên, tuy nhiên nó được tiến hành chỉ ở một địa điểm cụ thể là vườn quốc gia Yok Đon; nơi có nhiệm vụ chính là bảo tồn đa dạng sinh học và tri thức/văn hoá của các dân tộc thiểu số sống trong vùng đệm.

5 Phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp nghiên cứu tri thức, kinh nghiệm địa phương trong sử dụng thảo mộc làm các bài thuốc

- Tiếp cận bài thuốc: Tìm hiểu và phát hiện tri thức bản địa theo các bài thuốc cổ truyền, từ đây tiếp tục phát hiện ra các loài cây làm thuốc. Sử dụng phương pháp phỏng vấn kết hợp với quan sát và thảo luận để phát hiện các bài thuốc, cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm. Công việc này được tiến hành theo từng buôn, sử dụng phiếu điều tra bài thuốc, trong đó xác định cụ thể: Công dụng, thành phần cây thuốc, cách pha chế, cách sử dụng... Tiến hành thu thập kinh nghiệm của những người già, những người có kinh nghiệm trong sử dụng thực vật làm thuốc, chú ý đến phụ nữ và các kinh nghiệm của họ (Mẫu phiếu điều tra bài thuốc ở phụ lục 3)
- Đối chiếu, kiểm tra chéo các nhóm cung cấp thông tin trong từng buôn và với các buôn khác nhau.

5.2 Phương pháp điều tra mô tả lấy tiêu bản cây thuốc

- Trên cơ sở các bài thuốc, đã phát hiện các cây thuốc được sử dụng ở 10 buôn, tiến hành cùng với người dân đi hiện trường để lấy tiêu bản và mô tả hình thái, sinh thái, phân bố thực vật (Mẫu phiếu điều tra cây thuốc, mô tả tiêu bản ở phụ lục 3)
- Tiếp cận tìm hiểu kiến thức sinh thái để xác định sinh cảnh, phân bố của các loài cây thuốc, điều này dễ dàng hơn cho việc phát hiện loài trong rừng.
- áp dụng phương pháp điều tra theo tuyến và điển hình theo từng sinh cảnh để điều tra độ phong phú thực vật
- Xác định toạ độ phân bố các loài cây thuốc bằng GPS và đưa lên bản đồ, tạo cơ sở dữ liệu để lưu trữ.
- Lấy tiêu bản: Mỗi loài được chụp ảnh kỹ thuật số, lấy các bộ phận lá, hoa quả, rễ, vỏ, cành.

5.3 Phương pháp xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển cây thuốc

Sử dụng phương pháp tiếp cận có sự tham gia để đánh giá, lựa chọn và xây dựng mô hình bảo tồn cây thuốc:

- Phát triển các tiêu chí lựa chọn các bài thuốc, loài cây làm thuốc quan trọng dựa vào cộng đồng. Từ đây xây dựng tập loài cây thuốc quan trọng và chọn lựa loài cây trồng trong 02 vườn sưu tập cây thuốc
- Đánh giá nhu cầu bảo tồn và phát triển loài cây thuốc có sự tham gia

5.4 Phương pháp tổng hợp

Trên cơ sở điều tra, khảo sát, tiến hành tổng hợp:

- Thống kê, tổng hợp các bài thuốc theo từng nhóm công dụng, xây dựng tập bài thuốc – Cây thuốc. Bao gồm:

- Các bài thuốc với thành phần loài cây, cách pha chế, cách sử dụng
- Tập hợp danh lục cây thuốc theo mã số loài cây để tiện tra cứu theo bài thuốc. Lập danh lục cây thuốc.
- Thiết lập tập các loài cây thuốc quan trọng theo các tiêu chí lựa chọn của cộng đồng. Mô tả chi tiết từng loài về tên loài, hình thái, phân bố, yêu cầu sinh thái, công dụng và nhu cầu bảo tồn và phát triển. Định vị các loài này trên bản đồ và cơ sở dữ liệu phân bố theo sinh cảnh, độ phong phú và tọa độ UTM
- Tiêu bản thực vật được xây dựng dưới 02 hình thức: ảnh kỹ thuật số lưu trữ trong CD, in ấn và mẫu vật, tiêu bản được ép nhựa và mã số cây để tra cứu theo bài thuốc.
- Lập bản đồ tọa độ phân bố các loài cây thuốc cùng với cơ sở dữ liệu về sinh cảnh phân bố, độ phong phú, tọa độ UTM để quản lí, bảo tồn và phát triển.
- Thống kê và lập sơ đồ trồng các loài cây thuốc ở 02 vườn sưu tập để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát và sử dụng chính xác.
- Ghi chép các cơ sở dữ liệu, tài liệu, báo cáo trong đĩa CD để lưu trữ và cập nhật sau này.



Thảo luận với cộng đồng



Phỏng vấn phát hiện bài thuốc, cây thuốc



Khảo sát hiện trường, thu thập tiêu bản, thông tin cây thuốc cùng người dân



Xây dựng vườn cây thuốc cộng đồng

6 Kết quả nghiên cứu

6.1 Các bài thuốc bản địa

Kết quả khảo sát trong 10 buôn với 03 nhóm dân tộc chính là Lào, Ê đê và M'Nông đã phát hiện 207 bài thuốc, với 18 nhóm công dụng khác nhau. Mỗi bài thuốc xác định các thành phần cây thuốc, tên cây (kinh, dân tộc, khoa học), công dụng và bộ phận sử dụng trên cây. Tác giả mỗi bài thuốc được ghi nhận. Kết quả chi tiết trình bày trong phụ lục 4.

Tổng hợp 10 buôn, sau khi thẩm định, kiểm tra chéo, trùng lặp đã xác định chính thức 207 bài thuốc theo 18 nhóm công dụng.

Bảng 1: Thống kê số bài thuốc theo nhóm công dụng

Stt	Nhóm công dụng	Số bài thuốc
1	Các bài thuốc cho phụ nữ sau khi sinh	37
2	Các bài thuốc trị sốt, sốt rét, hạ nhiệt	24
3	Các bài thuốc bồi bổ sức khỏe, an thần	11
4	Các bài thuốc trị mỏi mệt, đau chân, đau lưng, khớp	9
5	Các bài thuốc trị rắn, rết, bò cạp cắn, ong đốt	10
6	Các bài thuốc trị ho, hen, cảm	12
7	Các bài thuốc trị sưng đau, mụn nhọt, mẫn ngứa dị ứng, sỏi, bọng	18
8	Các bài thuốc trị đau bụng, tiêu chảy, kiết lỵ	42
9	Các bài thuốc trị đau răng, sâu răng	5
10	Các bài thuốc trị đau thận, đau lưng, bí tiểu, đái đường	11
11	Các bài thuốc cầm máu vết thương, máu cam	5
12	Các bài thuốc trị phù thũng	4
13	Các bài thuốc trị bại liệt, tê liệt chân tay	2
14	Các bài thuốc trị đau mắt	3
15	Các bài thuốc trị bệnh gan	2
16	Các bài thuốc trị đau bao tử	5
17	Các bài thuốc trị bệnh thương hàn	2
18	Các bài thuốc trị các loài bệnh khác	5
Tổng		207

207 bài thuốc trong 18 nhóm công dụng nói trên được ghi chép, tổng hợp trong tập **Bài thuốc – Cây thuốc**. Mỗi bài ghi rõ công dụng, thành phần cây, bộ phận lấy trên cây, cách pha chế, cách sử dụng. Cây thuốc trong từng bài được mã số, và một danh lục, tiêu bản, ảnh, bản đồ cây thuốc đã được lập theo mã số để tra cứu theo bài thuốc. Cây thuốc được mô tả chi tiết tên cây, hình thái, sinh thái, toạ độ phân bố, độ phong phú và hình ảnh kèm theo.

Từ kết quả điều tra này cho thấy cộng đồng dân tộc thiểu số có tri thức, kinh nghiệm sử dụng cây thuốc hết sức phong phú, các bài thuốc đa dạng và đề cập đến hầu hết các bệnh thường gặp.

Hầu hết các bài thuốc tập trung vào các bệnh của phụ nữ sau khi sinh, bệnh đường ruột và bệnh sốt rét. Điều này cũng dễ hiểu, vì đây là các bệnh rất phổ biến ở vùng sâu vùng xa, và đồng bào đã biết sử dụng thảo mộc để tự điều trị cho mình. Một đặc trưng mà nhiều người đều nghe nói là phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số rất chóng bình phục sau khi sinh, điều này là nhờ các loại thảo mộc và các bài thuốc mà họ sử dụng, các bài thuốc này rất phong phú tùy thuộc vào từng cộng đồng, cho thấy đồng bào đã có tri thức đa dạng về sử dụng thảo mộc để phục hồi sức lao động nhanh chóng. Điều nổi tiếng khác là mọi người khi đến Bản Đôn đều nghe nói đến bài thuốc bổ khỏe của Ma Kông, bài thuốc này cũng đã được sưu tầm và phản ánh trong tập bài thuốc – cây thuốc; bài thuốc này đang được kinh doanh ở trong vùng; do đó cần tổ chức bảo tồn và phát triển các bài thuốc này một cách bền vững trong thời gian đến.

Cùng một loại bệnh nhưng có thể có nhiều bài thuốc khác nhau, điều này do kinh nghiệm khác nhau, sự phong phú và đa dạng trong sử dụng cây thuốc của các dân tộc thiểu số trong vùng đệm.

Mỗi bài thuốc có thể pha chế từ 01 loài cây hoặc đến 06 loài cây. Một cây nào đó cũng có thể sử dụng ở nhiều bài thuốc có công dụng khác nhau. Do đó việc mã số cây thuốc là hữu ích và tiện cho việc tra cứu.

Cách pha chế khá đơn giản, dễ làm và nhanh chóng để điều trị bệnh, bộ phận lấy rất đa dạng, có thể từ gỗ, lá, vỏ, rễ, hoa,... Có bài thuốc chỉ dùng cây tươi, có bài phải sao vàng hạ thổ, có bài nấu nước, giả đắp

6.2 *Danh lục, tiêu bản về cây thuốc bản địa*

6.2.1 *Danh lục, tiêu bản cây thuốc*

172 loài thực vật làm thuốc bản địa đã được phát hiện và tạo lập các cơ sở dữ liệu sau:

- Danh lục cây thuốc được ghi nhận trong tập **Bài thuốc - Cây thuốc**, được mã số để tra cứu, mô tả hình thái, sinh thái, phân bố, ảnh màu minh họa
- Mỗi loài cây thuốc được làm tiêu bản khô, ép nhựa; lập bộ sưu tập hình ảnh màu, kèm theo mã số cây, tên loài (Kinh, dân tộc, khoa học).
- Thống kê theo hệ thống phân loại thực vật: Bao gồm 172 loài thực vật làm thuốc thuộc 131 chi và 69 họ. (Xem phụ lục 6).

Trong 172 loài làm thuốc đã phát hiện, có khoảng 50% loài cây gỗ, 30% loài thân thảo và 20% là dây leo. Điều này cho thấy thảo mộc được sử dụng làm thuốc khá đa dạng về chủng loại, dạng sống.

Về bộ phận sử dụng lại càng đa dạng hơn, có loài được dùng cả cây (lá, hoa, quả, vỏ, rễ..), có loài chỉ dùng lá, vỏ, cành, hạt, rễ,... đặc biệt có loài chỉ dùng phần nước, nhựa trong cây để làm thuốc.

6.2.2 Các loài cây thuốc quan trọng

Trên cơ sở 207 bài thuốc với 172 loài thực vật đã phát hiện dựa vào tri thức bản địa của 10 buôn dân tộc thiểu số trong vùng đệm, cộng đồng địa phương đã đánh giá tầm quan trọng của những loài thực vật làm thuốc trong vùng và đưa ra 32 loài cây có ý nghĩa cao trong xây dựng mô hình bảo tồn tri thức bản địa và các cây thuốc trong đời sống cộng đồng. Mục đích của việc xây dựng tập các loài cây thuốc quan trọng này là:

- Chọn lựa để mô tả, giới thiệu chi tiết với hình ảnh minh họa, bản đồ và tọa độ phân bố chính xác trong tự nhiên của các loài cây thuốc quan trọng; thuận tiện cho việc tra cứu, thu thập trên thực địa.
- Làm cơ sở cho việc tập trung bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc quan trọng này trong vườn quốc gia cũng như ở các cộng đồng thông qua xây dựng 02 vườn cây thuốc ở trong vườn quốc gia và buôn Drăng Phok cũng như tổ chức bảo tồn các loài này trong tự nhiên
- Định hướng cho việc bảo tồn và sử dụng tài nguyên cây thuốc về cả hai mặt: tri thức bản địa cũng như tài nguyên thực vật. Giúp cho việc phát triển tri thức bản địa về sử dụng cây thuốc đặc biệt và làm cơ sở cho việc phân tích thành phần dược liệu của các loài cây thuốc quan trọng ở trong vùng.

Tập các loài cây thuốc quan trọng gồm có 32 loài làm cây thuốc được lựa chọn để giới thiệu, bao gồm các thông tin, tri thức chủ yếu sau:

- Tên loài bao gồm tiếng phổ thông, M'Nông và Lào (hai thứ tiếng sử dụng phổ biến ở các buôn vùng đệm), tên khoa học, họ thực vật
- Giới thiệu hình thái, phân bố, yêu cầu sinh thái thực vật
- Công dụng chính của loài, được sử dụng như thế nào trong các bài thuốc truyền thống
- Yêu cầu về bảo tồn và phát triển tri thức bản địa cũng như loài thực vật
- Tọa độ phân bố của từng loài theo UTM/GPS chính xác trên thực địa và bản đồ cùng với đánh giá độ phong phú của từng loài. (Đã xác định tọa độ UTM cho 24 loài, còn lại 8 loài xác định đến sinh cảnh phân bố)
- Khả năng phát triển kinh doanh cây thuốc.

Tiêu chí và phương pháp lựa chọn các loài cây thuốc quan trọng:

Trên cơ sở tiếp cận cộng đồng đã phát triển các tiêu chí lựa chọn các loài cây thuốc cần tập trung bảo tồn và phát triển:

- Loài có giá trị chữa bệnh cao, có công dụng chữa các bệnh đặc biệt
- Loài cây chữa được nhiều bệnh
- Loài cây thuốc quan trọng đối với cộng đồng, được sử dụng làm thuốc phổ biến.
- Loài có khả năng buôn bán, kinh doanh.
- Loài cây thuốc hiện nay hiếm và cộng đồng có nhu cầu bảo tồn và phát triển

Phương pháp phân loại, lựa chọn loài cây thuốc quan trọng dựa vào cộng đồng:

- Chuẩn bị bộ cards ghi tất cả các loài cây thuốc (cả 2 tên: phổ thông/ địa phương – mặt sau ghi ký hiệu cây thuốc/ bài thuốc, công dụng)
- Làm việc với từng nhóm cộng đồng hiểu biết cây thuốc, mỗi nhóm phân loại các loài cây thành 03 loại: quan trọng/ trung bình/ ít quan trọng hoặc không biết theo các tiêu chí đã thống nhất trước.

- Số cây mỗi nhóm chưa biết được chuyển sang nhóm cộng đồng khác xem xét và phân loại (lặp lại 3 lần).
- Kết quả bước 1: cả 3 nhóm cộng đồng sắp xếp phân loại được các loài cây thuốc quan trọng
- Thảo luận chung một lần cuối với cả 03 nhóm cộng đồng để thống nhất lựa chọn các loài cây được xếp ở mức quan trọng nhất

6.3 *Phân bố, mức độ phong phú và cơ sở dữ liệu các loài cây thuốc*

Tiếp cận phát hiện phân bố loài theo sinh cảnh và độ phong phú của nó dựa vào hai cách thức:

- Tiếp cận có sự tham gia để phát hiện kiến thức sinh thái bản địa phục vụ phân loại phân bố loài theo sinh cảnh. Điều này giúp cho việc phát hiện nhanh và chính xác các loài cây thuốc; đặc biệt là các loài cây quý hiếm chỉ có đồng bào tại chỗ biết nơi có:
 - o Sử dụng bộ cards ghi tên tất cả các loài cây thuốc gồm tên phổ thông, tên địa phương.
 - o Dùng cards khác màu ghi tên tất cả các loại sinh cảnh có ở địa phương. Mỗi loại sinh cảnh ghi cả 2 thứ tiếng phổ thông và Lào (gồm 08 loại sinh cảnh)
 - o Chia bộ cards ra làm 03 cho 3 nhóm thảo luận và sắp xếp tên loài cây vào đúng các sinh cảnh phân bố của chúng (theo người dân địa phương)
 - o Mỗi nhóm tiến hành sắp xếp, số cây không biết hoặc chưa rõ xếp vào sinh cảnh nào được chuyển xoay vòng cho các nhóm khác xem xét và sắp xếp.
 - o Cuối cùng cả 03 nhóm cùng thống nhất sinh cảnh chủ yếu mà từng loài phân bố trong vùng
- Khảo sát theo tuyến trong từng sinh cảnh với người địa phương, lập ô mẫu và ước lượng cho từng sinh cảnh về độ phong phú

Kết quả đã cho thấy với 172 loài nằm trong 69 họ nên phân bố của chúng khá rộng, xuất hiện ở 8 sinh cảnh chính trong vùng. Phân bố của mỗi loài theo sinh cảnh, kiểu rừng được mô tả trong danh lục cây thuốc và bảng thông tin dữ liệu về cây thuốc

Các cây thuốc phân bố trên 08 sinh cảnh chính thuộc khu vực vườn quốc gia, trong đó tập trung vào rừng ven sông suối (46 loài), rừng khộp (44 loài), rừng nửa rụng lá ưu thế Bằng lăng cũng chứa đựng sự đa dạng cây thuốc (23 loài); các cây thuốc cũng có mặt ngay trong vườn nhà, nơi ở của cộng đồng (7 loài), một số loài trong vườn được cộng đồng nuôi dưỡng hoặc mang về trồng để có thể lấy sử dụng ngay khi cần thiết.

Điều này chứng tỏ rừng khộp cũng cung cấp một số lượng lớn các loài cây thuốc đa dạng. Đặc biệt cần lưu ý là các sinh cảnh ven sông suối, đầm lầy trong khu vực rừng khộp đã tạo nên sự phong phú về hệ thực vật và cung cấp khá nhiều loài cây làm thuốc. Rừng nửa rụng lá và rừng thường xanh chiếm diện tích không nhiều trong khu vực vườn nhưng cũng cung cấp một số loài làm thuốc quan trọng.

Sinh cảnh trong vườn quốc gia Yok Đôn	Số loài cây thuốc	Sinh cảnh trong vườn quốc gia Yok Đôn	Số loài cây thuốc
	Rừng thường xanh trên núi Yok Đôn – Pa Khươi Nhan 14 loài		Rừng ven sông suối – Hiếm hoi/Hiếm hơn 46 loài
	Rừng nửa rụng lá ưu thế bằng lăng - Đông Pươi 23 loài		Trảng cỏ cây bụi – Nhạ Thông 26 loài
	Rừng khộp - Nôn Cung 44 loài		Đầm lầy trong rừng – Y Lơn 3 loài
	Rừng tre le - Đông Chột 9 loài		Vườn nhà - Họa Xuông 7 loài

Tên sinh cảnh: Tiếng phổ thông và Lào

Trên cơ sở phân loại loài theo sinh cảnh dựa vào tri thức bản địa và khảo sát hiện trường, sử dụng phương pháp ô mẫu và định vị tọa độ cây thuốc bằng máy GPS; mỗi loài cây thuốc được xác định các thông số phục vụ bảo tồn, phát triển: Sinh cảnh phân bố, tọa độ UTM/GPS chính xác trên thực địa và thể hiện trên bản đồ, mức độ phong phú, công dụng chính, dùng trong bài thuốc nào

Bảng 2: Thông tin dữ liệu về phân bố, tọa độ, độ phong phú các loài cây thuốc

Sinh cảnh	Số hiệu cây thuốc (CT)	Tên cây thuốc			Tọa độ UTM qua GPS		Độ phong phú	Số hiệu bài thuốc (BT)	Công dụng chính
		Phổ thông	Địa phương	Khoa học	X	Y			
1	10	Chè long	Cốc Sa tanh	Aganosma acumonata (Roxb) G.Don	792732	1422311	Nhiều	2	Bổ cho phụ nữ sau sinh
	12	Bán trắng	Tôm trơn, Neng so	Hemidesmus sp.	792732	1422311	ít	68	Bổ cho phụ nữ sau sinh, thuốc bổ
	59	Hầu vĩ	Cốc hán cà hột	Uraria cordifolia Wall	794034	1422899	TB-nhiều	130,147	Ông đót, xót ngứa, dị ứng
	167	Lan đoàn kiếm	Cốc đam phi	Cleisostoma duplicilopium Garay	792878	1422594	ít	204	Trị đau tai, thối tai
	168	Kim cang lớn	Cốc khướng nội, Tôm Nam Dong	Smilax china L.	792732	1422311	ít	200	Trị đau bao tử
2	7	Đuôi trâu	Cốc xai đen	P0lianthis cerasoides (Roxb.) Benth	799463	1419445	TB	183	Trị chảy máu cam
	10	Chè long	Cốc xa tanh	Aganosma acumonata (Roxb) G.Don	799422	1419411	Nhiều	2,	Thuốc bổ cho phụ nữ mới sinh
	11	Sữa/mò cua	Tim pét	Astonia scholaris (L.) R.Br.	799369	1419372	Nhiều	83,	Chữa rắn cắn
	15	Đạt phước	Tôm tang toi/cốc cang khôn	Millingtonia hortensis L.f.	798286	1424320	ít	53,93,134	Sốt nóng, mắt tiếng ở trẻ em; ho; đau bụng ở trẻ con
	16	Núc nác, Sò đo thuyền	Cốc mạc lín mạy / Tôm pa lung	Oroxum indicum (L.) Vent	794235	1422850	TB	39, 109, 139	Trị sốt rét; bỏng; đau bụng kiết lỵ
	24	Chò nhai	Cốc mìn mon	Anogeisus acuminatus	799439	1419398	Nhiều	128	Trị đau bụng
	25	Chưng bầu	Cốc ke	Combretum quadrangulare Kurz	799460	1419527	TB	108	Trị dị ứng, xót ngứa
	27	Chiêu liệu xanh	Cốc hén/Tôm Rgian gia	Terminalia bellirica (Gaertn) Roxb	799165	1424676	TB	42,46,147,187,201,202	Trị sốt rét; sốt; Trị đau bao tử; phù thũng; thương hàn;
	35	Sến mủ	Cốc khện/Tôm rơ lang	Shorea roxburghii G.Don	799441	1419440	TB	111,168	Trị rôm sảy, ngứa, nóng người, đau răng
	47	Rỉ rì	Tôm rai	Homonoia riparia lour	794084	1422863	Nhiều	10,206	Bổ cho phụ nữ sau sinh; lậu
	48	Me rừng	Cốc mạc khom bon	Phyllanthus emblica L.	800225	1420904	ít	112,156	Nước ăn chân; sỗ sán xơ mít
	60	Bồ quân Ấn độ	Cốc mạc peng/Tôm plai cặp	Flacourtia indica (Bum f.) Merr	799424	1419404	TB	1,10,32,33,48,94,173	Thuốc bổ/thuốc bệnh cho phụ nữ mới sinh; sau sinh, đau bụng, ho ra máu, bí tiểu
	78	Sưng	Cốc nam viện/Ja hạt điều	Semecarpus sp	800725	1425660	TB	7	Bổ cho phụ nữ sau sinh
	94	Gáo nước, Cà giam lá tròn	Cốc cang lương / Tôm ko	Myrtragyne rotundifolia (Roxb) Kuntze.	799472	1419703	Nhiều	59, 201	Trị bệnh thương hàn; sốt rét

Sinh cảnh	Số hiệu cây thuốc (CT)	Tên cây thuốc			Toạ độ UTM qua GPS		Độ phong phú	Số hiệu bài thuốc (BT)	Công dụng chính
		Phổ thông	Địa phương	Khoa học	X	Y			
	96	Gáo trắng	Cốc tấp tau	Neolamarckia cadamba (Roxb) Bosser	798447	1424418	TB	105	Chữa mụn nhọt
	98	Găng nhung	Cốc nghiền đứ	Randia dasycarpa (Kurz) Bakht	799460	1419527	TB	82, 117	Trị rắn cắn; Nước ăn chân
	109	Dó tròn	Cốc po pít	Helicteres isora L.	799071	1424872	Nhiều-TB	146	Trị đau bụng
	112	Vác	Khưa hun/Tôm tao đok ngon	Cayratia trifolia (L.) Domino	798273	1424317	Nhiều	104	Chữa mụn nhọt
	124	Nhân rừng	Cốc mạc kho	Scheleicheria oleosa (Lour) Oken	799429	1419395	Nhiều	159	Trị đau bụng
	127	Dúi nhám	Cốc sam pho/ Tôm kết	Streblus asper Lour	799467	1419658	Nhiều	60	Hạ nhiệt
	130	Chân danh	Cốc xám khoai/Rvác quần	Euonymus	794318	1422949	ít	35, 15	Bổ cho phụ nữ sau sinh
3	2	Mà ca Thai lan	Muôn cò tai lan	Buchanania siamensis Miq.	795137	1422321	ít	30	Phụ nữ sau sinh
	13	Hà thủ ô trắng	Cốc khưa Pa song/Tôm chao nức	Streptocaulon griffithii Hook.f.	800338	1424761	Nhiều	140, 171, 186	Trị ho
	27	Chiêu liêu xanh	Cốc hén/Tôm yang rơ ia	Terminalia bellirica (Gaertn) Roxb	800799	1425205	ít	42,46,147, 187,201, 202	Sốt rét; đau bao tử; phù thũng; thương hàn
	26	Chiêu liêu đen	Cốc xược/Tôm jia rế	Terminalia alata Heyne.ex Roxb	800350	1424879	Nhiều	57,135, 187	Tan máu cho phụ nữ mới sinh
	28	Chiêu liêu ổi	Cốc pươi lượ / Tôm đấm cóc	Terminalia corticosa Pierre ex Laness	801216	1421536	TB	127	Đau bụng
	29	Chiêu liêu kha tử	Cốc sâm mo/Tôm Rleo	Terminalia chebula Retz	800832	1425316	Nhiều	46,187	Sốt rét; đau bao tử
	31	Sô 5 nh	Cốc mạc	Dellenia pentagyna Roxb.	799726	1420175	Nhiều	106,187	Sưng đau mềp tai
	34	Cà chít	Cốc cà chít/cốc hạt pay xám	Shorea obtusa Walp	800824	1425335	Nhiều	133,187	Trị đau bụng; phù thũng
	36	Thị mâm	Cốc hưỡng quang	Dyospyros ehretioides Wall.ex G.Don	801317	1425220	Nhiều	5,10,19, 26,33,42, 50,121, 201,	Bổ cho phụ nữ sau sinh; tan máu cho phụ nữ mới sinh; đau đầu; sốt rét; sốt vàng da; sỏi; thương hàn
	38	Nhót dây	Cốc mạc tẹt/tôm a doi	Eleagnus sp.	801548	1425270	ít	48	Sốt rét, mệt mỏi không ăn được
	39	Chôi mồi chua	Cốc mậu/Tôm tờ rờ ne	Antidesma ghaesembilla Gaertn	801363	1425227	Nhiều	1	Bổ cho phụ nữ sau sinh bị yếu sức
	40	Thầu tẩu lá tròn	Cốc mượ/Tôm kôn	Aporosa sp	799841	1420511	Nhiều	142	Trị chướng bụng đầy hơi

Sinh cảnh	Số hiệu cây thuốc (CT)	Tên cây thuốc			Toạ độ UTM qua GPS		Độ phong phú	Số hiệu bài thuốc (BT)	Công dụng chính
		Phổ thông	Địa phương	Khoa học	X	Y			
	42	Đỏm có cọng	Tôm nhênh xre	Bridelia pedicelata Rid!	800038	1425435	Ít	148,162	Trị đau bụng
	61	Kơ nia/Cây	Cốc póc / Tôm Nher	Irvingia malayana Oliv. ex Benn	795798	1426574	TB	53,99	Úcốt nóng, mất tiếng ở trẻ em; ho liên tục
	64	Gối hạt	Tôm si nít	Leeaequata L.	797816	1424152	Ít	24,170	Phụ nữ mới sinh bị lạnh bụng; đau thận
	65	Mã tiền dây	Cốc mạc xén	Strychnos axilaris Colebr	801361	1421611	Nhiều	58,76	Trị sốt rét/Bong gân sai khớp
	66	Mã tiền quả cam	Cốc tum ca / Tôm Plai Kroäl	Strychnos nux-blanda A.W.Hill	796184	1426633	Nhiều	40,55,82,189,193,201	Sốt rét, sốt cách nhật/ rần cắn/tê liệt tay chân
	72	Sâm si/trâm đất	Cốc mướt e	Memecylon edule Roxb	801564	1421941	Nhiều	40	Sốt rét, sốt cách nhật
	73	Trinh nữ gai	Cốc nha nam	Mimosa invisa Mart et Colla	800307	1424598	Nhiều	138,172	Đau bụng tiêu chảy ra máu; tiểu đường
	75	Cầm xe	Cốc đen/Tôm kpeh	Xylia xylocarpa (Roxb.) Taub.	801080	1425202	Nhiều	21,56,152,187,189	Cầm máu cho phụ nữ bị băng huyết; sốt rét; kiết lỵ; phù thũng; tê liệt tay chân
	76	Dây hồ đăng	Pa đơng khura	Cisapelos sp	799833	1425344	Ít	74,113	Mỏi chân, đau khớp, bong gân
	97	Dốt sầnh	Cốc nhỏ sùm/Tôm đrăng	Pavetta pitardii Brem	800884	1424883	Ít	15,27	Bổ cho phụ nữ sau sinh
	112	Vác	Khura hun	Cayratia trifolia (L.) Domino	801250	1421599	TB	104	Chữa mụn nhọt
	115	Cương Bắc bộ	Cốc nhạ kham pao/Tôm xách	Scleria tonkinensis C.B.Cl	801218	1425206	Nhiều	191	Phòng đau mắt
	120	Địa liên	Cốc tạm mụp	Kempferia galanga L.	800256	1420903	Nhiều	181	Cầm máu
	122	Dầu đồng	Cốc cung/Tôm Dơ lan???	Dipterocarpus tuberculatus	801225	1425237	Nhiều	153	Đau bụng đi kiết
	126	Gai kim dây	Cốc hua ngu/Tôm pơi bắp	Baleria strigosav Will	800349	1424876	Ít	89	Trị rần cắn
	136	Muồng hoàng yến	Cốc kin khun	Caesalpinaceae	801854	1422504	Ít	158	
	137	Thành ngạnh	Tôm Rờ nghen	Hypericaceae	799856/798473	1420513/1424423	Nhiều	192	Đỏ mắt, đau mắt
	141	Sóng rần	Cốc phát xi/Tôm xer	Albizia procera (Roxb.) Benth	796709	1423455	TB	102	Thuốc ho
	164	Củ nưa	Cốc kơ puk	Pseudodracontium unomalum NE.Br	800323	1424740	Ít	90	Chữa rần cắn
	167	Lan Đoàn kiếm	Cốc đam phi	Cleisostoma duplicilopium Garay	801108	1421463	TB	204	Trị đau tai, thối tai
4	20	Bồ kết rừng	Cốc phi man	Gledisia rolfei Vidal	797548	1426597	TB	147,207	Trị đau bao tử; giải độc
	50	Biển hướng	Cà đực ụng / Tôm A gay	Campylostropis sp.	797548	1426598	TB	17,47	Phụ nữ bị ngộ độc thức ăn sau sinh; sốt rét

Sinh cảnh	Số hiệu cây thuốc (CT)	Tên cây thuốc			Toạ độ UTM qua GPS		Độ phong phú	Số hiệu bài thuốc (BT)	Công dụng chính
		Phổ thông	Địa phương	Khoa học	X	Y			
	52	Sục sặc kim	Cốc phát ven khọt	Crotalaria acicularis Buch-Ham	797548	1426596	TB	190,202	Trị tê liệt; thương hàn
	109	Dó tròn	Cốc po pít	Helicteres isora L.	801106	1425129	Nhiều	146	Trị đau bụng
	117	Le đen	Cốc mạy lay/Tôm glê	Oxytenanthera nigro-ciliata Munro	800279	1424590	Nhiều	91,95,182	Ông đót; ho; cầm máu
5	5	Cỏ xước	Cốc nhạ khô ngu/Tôm lok	Achiranthos aspera L.	799379	1473700	Nhiều	73,	Đau khớp, đau lưng
	9	Lá giang	Cốc phát sùm lâm	Aganonerionpolimorphum Pierre	799542	1419751	Nhiều	132,	Trị kiết lỵ
	53	Cắm lai đen	Cốc pa đông/Tôm kỏi	Dalbergia volubilis	801205	1421603	TB	49,189	Sốt mệt mỏi, đau chân khớp; trị tê liệt chân tay
	78	Sung	Cốc mặc ka đưa/Tôm plai rờ vi	Ficus septica (Bl.) Corner	799369	1419372	Nhiều	7	Bổ cho phụ nữ sau sinh
	85	Lá lốt	Cốc phak y lợt	Piper lolot C.DC.	799369	1419372	Nhiều	166	Trị đau răng
	94	Cà giam lá tròn	Cốc cang lương/Tôm ko	Myrtagyne rotundifolia (Roxb) Kuntze.	801879	1425092	TB	59,201	Sốt rét; đau thương hàn
		Trắc lá	Cốc pa đông lợt	Dalbergia mamosa Pierre	798548	1426599	Ít	201	Đau thương hàn
	97	Bảng lảng ổi	Cốc pười si đa	Lagerstroemia calycutata Kurz	797065/794058	1423848/1422890	Nhiều	144	Trị bụng
	114	Lối thọ	Cốc sắc khi cay/Tôm rờ sốt	Gmelina arborea Roxb.	797605	1424111	Nhiều	31,163	Chữa phụ nữ sau sinh bị ngộ độc thức ăn; đau bụng thổ tả
6	14	Cỏ lào	Nhạ nhen hó	Eupatorium odoratum L.	795736	1426537	Nhiều	129,180	Đau bụng tiêu chảy; cầm máu
	18	Muồng gai	Cốc ca chai/Tôm tong dơ	Caesalpinia sp	801751	1424817	Ít	1,12,14,92	Bổ khỏe cho phụ nữ sau sinh; trị ho
	30	Sổ đất	Cốc san tia/Tôm no sre	Dillenia hookeri Pierre	801679/800542	1425317/1426189	Nhiều	5,7,14,26	Bổ cho phụ nữ sau sinh; tan máu cho phụ nữ cho phụ nữ mới sinh
	101	Chùm hôi	Cốc một	Clausena excavata Burm.f.	797548	1426599	TB	101,155,164	Trị ho; đau bụng quặn; Đau răng
	108	Thao kén đực	Cốc pik cay đăm	Helicteres angustifolia	797548	1426600	Nhiều	37,77,169	Đau dây chằng; đau cơ dưới sườn; Đau thận, đái đực
	164	củ nưa	Cốc ka puk	Pseudodracontium unomalum N.E.Br	795779	1426535	TB	90	Trị rắn cắn
	165	Mía dò	Cốc ưỡng	Costus speciosus (K) Smith	795786	1425535	TB	80	Trị đau lưng, đau khớp

Sinh cảnh	Số hiệu cây thuốc (CT)	Tên cây thuốc			Toạ độ UTM qua GPS		Độ phong phú	Số hiệu bài thuốc (BT)	Công dụng chính
		Phổ thông	Địa phương	Khoa học	X	Y			
7	63	Vùng	Cốc ka đồn	Careya sphaerica Roxb.	796387	1426660	Nhiều	84,124	Trị vết rết cắn; đau bụng
	91	Dành dành ang co	Tơm brep/cốc khay nâu	Gardenia angkorensis Pit.	796730	1426657	Ít	51	Sốt nóng
	104	Nhân trần	Kiối bri	Adenosma indianum (Lour)	797548	1426595	Nhiều	194	Chống xơ gan, trúng gió, bồi bổ cơ thể
	125	Thủy lệ	Cốc phát ca diên	Hydrophillaceae	795755/ 799374	1426552/ 1425057	Nhiều	188	Chữa bệnh phù thũng
8	38	Nhót dây	Cốc mạc tẹt/Tơn adoi	Eleagnus sp.	801827	1424807	Ít	48	Trị sốt rét mệt mỏi không ăn được
	49	Phèn đen lá nhỏ	A đông một lịn/Tơm ngâu pam srê	Phyllanthus af. Parvifolius	801830	1424797	Nhiều	25,115	Dùng cho phụ nữ mới sinh bị lạnh bụng; trị ngứa
	41	Thỏ mặt CPC	Cốc hàng nam/Tơm nhên	Bridelia campodiana Gagnep	801732	1424806	Ít	20,33,35	Phụ nữ sau sinh bị ngộ độc thức ăn; nhứt đầu mệt mỏi sau sinh

Độ phong phú: (Tính trong sinh cảnh phân bố)

Nhiều: 100 cây/ha

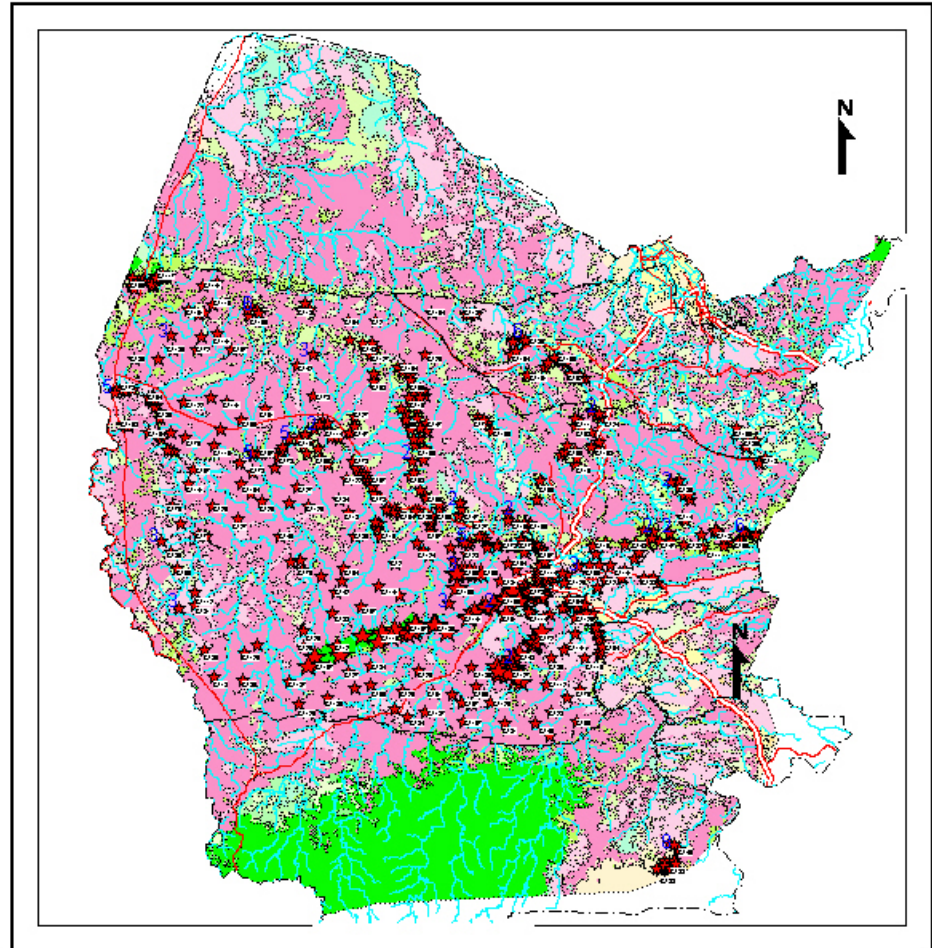
Trung bình (TB): 10 – 99 cây/ha

Ít: < 10 cây/ha, khó tìm gặp

Ghi chú cột sinh cảnh

- 1: Rừng thường xanh núi Yok Đôn – Pa Khơ Nhàn
- 2: Rừng nửa rụng lá ưu thế Bằng lăng – Đông Pươi
- 3: Rừng khộp – Nôn Cung
- 4: Rừng tre le ưu thế - Đông Lây/Đông Chột
- 5: Rừng ven sông suối – Hiếm hoi/hiếm hơn
- 6: Trảng cỏ cây bụi – Nhạ Thông
- 7: Các đầm lầy trong rừng – Y Lơn
- 8: Quanh buôn, trong vườn – Hứa Xuông

BẢN ĐỒ PHÂN BỐ CÂY THUỐC TRONG VƯỜN QUỐC GIA YOK ĐƠN
TỶ LỆ : 1 : 430 000



Chú giải

- Rừng rậm lá rộng thường xanh (1)
- Rừng trung bình lá rộng thường xanh (2)
- Rừng thưa lá rộng thường xanh (3)
- Rừng rậm lá rộng nửa rụng lá (5)
- Rừng thưa lá rộng nửa rụng lá 6
- Rừng bán thưa rụng lá (7a)
- Rừng rụng lá suy thoái (7b)
- Rừng tre hỗn giao (13)
- Cây savan (16)
- Đất cây bụi (16)
- Cây công nghiệp khác (25)
- Canh tác hàng năm (đất cao) (26)
- Canh tác hàng năm (đất thấp) (27)
- Khu dân cư (28)
- Nước (29)
- Mây

Phân loại sinh cảnh

- 1: Rừng thường xanh núi Yok Đôn - Pa khười nham
- 2: Rừng nửa rụng lá ưu thế Bồng lằng - Đồng pười
- 3: Rừng khộp - Đồng pười
- 4: Rừng Tre, le ưu thế - Đồng lầy/Đồng chột
- 5: Rừng ven sông suối - Hiếm hụi/Hiếm hơn
- 6: Trảng cỏ cây bụi - Nhạn thông
- 7: Đám lầy trong rừng - Y lớn
- 8: Vườn nhà - Hứa xuống
- CT123: Cây thuốc 123

- Tỉnh lộ
- Đường đất lớn
- Suối
- Ranh giới xã

6.4 Xây dựng vườn sưu tập cây thuốc

Trong phạm vi đề tài này, có một cấu phần xây dựng vườn sưu tập cây thuốc, mục đích của nó là tập hợp một số loài cây thuốc quan trọng, có nhiều giá trị phục vụ cho việc bảo tồn tại chỗ; đồng thời thử nghiệm việc nuôi trồng, chăm sóc phục vụ cho việc phát triển các loài cây thuốc bản địa trong tương lai.

Hai vườn cây thuốc được thiết lập, mỗi vườn 01 ha:

- Vườn 1: Trong khu rừng sưu tập thực vật của vườn quốc gia Yok Đôn. Các loài cây thuốc được lựa chọn trồng chủ yếu từ nhu cầu sưu tập và bảo tồn cây thuốc của vườn và phù hợp với lập địa rừng khộp trong khu vực này
- Vườn 2: Xây dựng vườn cây thuốc cộng đồng ở Buôn Drăng Phok. Các loài cây thuốc được lựa chọn dựa vào kinh nghiệm và nhu cầu của cộng đồng ở đây trong sử dụng cây thuốc

Cả hai vườn đều được trồng bằng phương pháp bứng cây con tự nhiên từ rừng về nuôi dưỡng trong vườn sưu tập

Lựa chọn cây thuốc trồng dựa vào cộng đồng buôn Drăng Phốc:

Các cây thuốc bản địa được ghi lên card bằng 2 thứ tiếng M'Nông và Lào, những cây thuốc này được phát hiện trong điều tra bài thuốc trong năm 2002 ở 10 buôn thuộc vùng đệm; loại trừ các cây quá phổ biến và thân thảo sống 1 năm. Người dân buôn Drăng Phok đã phân chia số card trên theo 2 loại cây thuốc biết và cây không biết hay không quan trọng, sau đó đã bổ sung thêm một số loài cây thuốc trước đây chưa phát hiện; từ danh sách cây thuốc thân gỗ cộng đồng Drăng Phok biết sử dụng chọn lựa các loài cây thuốc được sưu tập để trồng trong vườn cây thuốc của buôn. Việc lựa chọn loài cây sưu tập căn cứ theo tiêu chí được phát triển bởi cộng đồng.

Các tiêu chí để lựa chọn cây thuốc trồng trong vườn cây thuốc cộng đồng:

- Cây thuốc quý hiếm
- Cây thường dùng để trị bệnh, quan trọng đối với buôn
- Cây hay dùng làm thuốc nhưng xa chỗ ở
- Cây thuốc có thể bán được
- Cây không quá khó trồng theo phương pháp trồng cây con bứng từ rừng
- Cây không quá phổ biến, có nhiều xung quanh buôn

Mỗi vườn cây thuốc có diện tích 01 ha trên diện tích đất rừng nghèo kiệt, ngoài việc trồng các loài cây lựa chọn còn tiến hành chăm sóc các cây tái sinh, cây gỗ làm thuốc còn lại trên diện tích nhằm tăng số lượng loài cây thuốc trong vườn sưu tập. Cự ly trồng 3x5 m, mật độ cây thuốc biến động từ 500 – 600 cây/vườn (01ha).

- Cây thuốc trồng được treo tên loài cây thuốc: Tên cây kinh, dân tộc, khoa học và công dụng
- Tại mỗi vườn đều được rào và đóng bảng tên vườn sưu tập cây thuốc

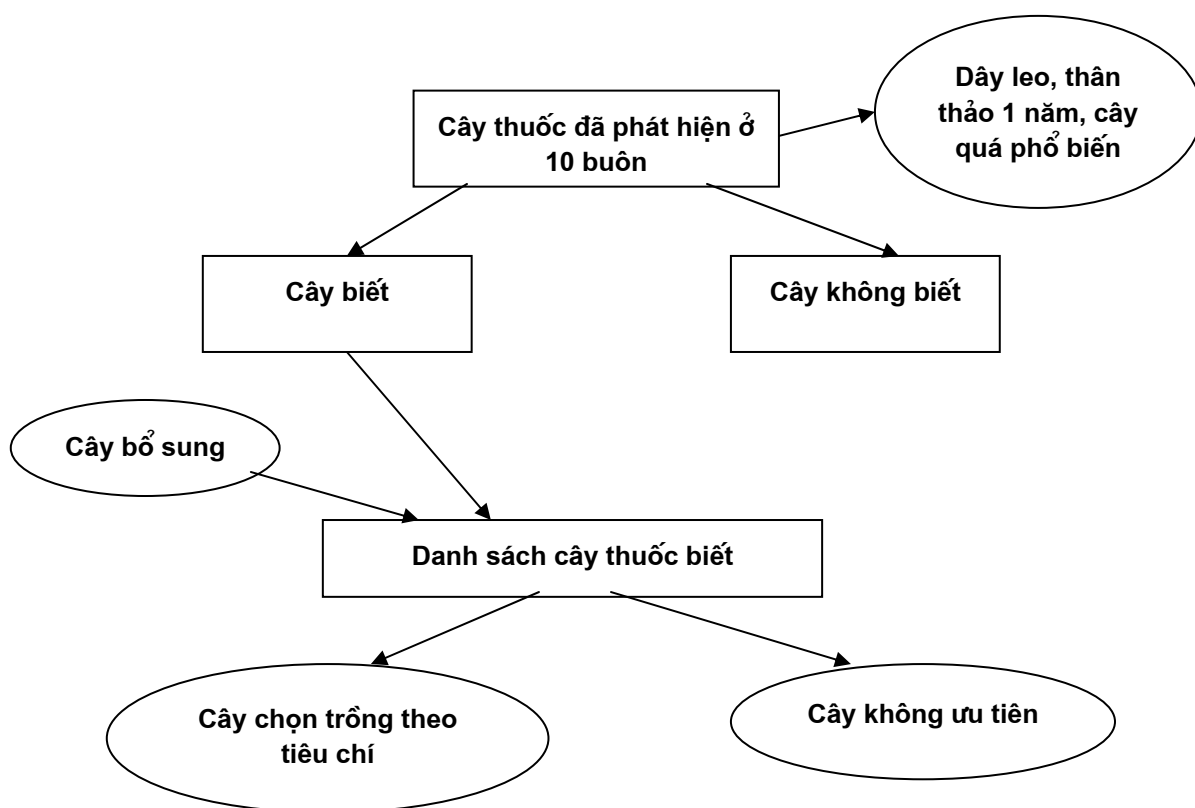
Cụ thể số loài và mật độ trồng cây thuốc ở mỗi vườn sưu tập như sau:

- Vườn cây thuốc cộng đồng buôn Drăng Phok: Số loài trồng là 27 loài với mật độ 446 cây, cộng với số loài cây thuốc tự nhiên được chăm sóc, nâng tổng số loài cây thuốc trong vườn này lên 65 loài.

- Vườn sưu tập cây thuốc trong vườn quốc gia Yok Đôn: Số loài cây thuốc trồng và chăm sóc tự nhiên là 50 loài với mật độ 626cây.

Ngoài ra trong mỗi vườn còn rất nhiều các loài cây cỏ khác có khả năng làm thuốc như: Cỏ sữa, chó đẻ, cỏ lào, trinh nữ.... đây là các loài cây sinh trưởng hàng năm và được nuôi dưỡng tiếp tục trong các vườn. Như vậy mỗi vườn cây thuốc nếu tính toàn bộ có thể đạt gần 100 loài cây thuốc. (Phụ lục 7: Danh mục các loài cây thuốc ở vườn Drăng Phok)

Vườn cây thuốc được xác định sơ đồ tọa độ từng loài cây để dễ theo dõi, xác định lâu dài (Xem phụ lục 6: Sơ đồ vườn cây thuốc Drăng phok)



Sơ đồ tiến trình lựa chọn loài cây thuốc trồng trong vườn cây thuốc cộng đồng Drăng Phok

Bảng 3: Thống kê loài và số cây thuốc trồng trong vườn cây thuốc cộng đồng Buôn Drăng phok (01ha)

Stt	Mã số cây thuốc (CT)	Phổ thông	Tên loài cây thuốc		Khoa học	Số cây
			Địa phương			
			Tên Lào (Cốc)	M'Nông (Tơm)		
1	60	Bồ quân ấn độ	Mạc beng	Cấp	<i>Flacourtia indica</i> (Burm f.) Merr	34
2	50	Biển hồng	Cà đực ng	Tin két	<i>Campylotropis</i> sp.	2
3	21	Cáp gai nhỏ	Nuộc meo	Tecmí	<i>Capparis micrantha</i> Dc.	11
4	53	Cắm lai đen	Pa đông	Kôi	<i>Dalbergia nigrescens</i> Kurz	9
5	28	Chiêu liêu ổi		Drăm cóc	<i>Ternanalia cortocossa</i> Heyne. ex Roxb	12
6	101	Chùm hôi	Một		<i>Clausena excavata</i> Burm var <i>villosa</i>	5
7	111	Cò ke cưỡng dài	Xám khí	Dong hăng	<i>Grewia</i> sp.	12
8	97	Dót sành	Nho sụm	Dròk rắng	<i>Pavetta pitardii</i> Brem	23
9	127	Duối		Kót	<i>Streblus asper</i> Lour.	38
10	15	Đạt phớc	Càng không	Tang tơi	<i>Millingtonia hortensis</i> L.f.	35
11	105	Đa đa	Cọn tha		<i>Harrisonia perforata</i> (Bl) Merr	1
12	42	Đỏm cổ cọng	Săm sa tĩa	Nhên xêrê	<i>Bridelia pedicellata</i> Ridl.	12
13	96	Gáo trắng	Táp tau	Pơm	<i>Neolamarckia cadamba</i> (Roxb) Bosser	1
14	64	Gối hạt		Tsi rít	<i>Leea aequata</i>	18
15	119	Kim cang	Khổng nọi		<i>Smilax verticalis</i> Gagnep	11
16	168	Kim cang lớn		Nam đông	<i>Smilax china</i> L.	1
17	133	Móng bò		Văn xê quần	<i>Bauhinia</i> sp.	11
18	18	Muồng gai	Ca chai	Tong dơ	<i>Caesalpinia</i> sp.	24
19	16	Núc nác	Mạc lim mạy	Pa lung	<i>Oroxylum indicum</i> (L) Vent	24
20	11	Sữa	Tim pét	Si N'ha	<i>Astonia scholaris</i> (L) R.Br	19
21	30	Sổ đất	Sạn tĩa	Mlo xêrê	<i>Dillenia hookeri</i> Pierre	4
22	141	Sóng rần	Phát xí	Xêrê	<i>Albizia procera</i> (Roxb) Benth	8
23	4	Sưng	Ja hạt điều		<i>Semecarpus</i> sp.	28
24	78	Sung	Mạc ca đa	Plai rờ vi	<i>Ficus septica</i> (Bl) Corner	29
25	116	Tóc tiên	Xỉ xạn	Nam phan	<i>Asparagus cochinchinensis</i> (Lour). Merr	25
26	41	Thổ mật Campuchia	Hàng năm	Nhênh	<i>Bridelia cambodiana</i> Gagnep	34
27	54	Trắc leo	Pa đông khọ		<i>Dalbergia volubilis</i> Roxb.	15
Tổng số cây						446

Bảng 4: Thống kê số loài và số cây thuốc trồng trong vườn cây thuốc VQG Yok Đon (01ha)

Stt	Mã số cây thuốc (CT)	Phổ thông	Tên loài cây thuốc Địa phương		Khoa học	Số cây
			Tên Lào (Cốc)	M'Nông (Tơm)		
1	69	Bằng lăng hoa tím	Pơi lợc		<i>Lagerstroemia speciosa</i> (K) Pers	10
2	113	Bình linh	Pa đông liên		<i>Vitex sumatrana</i>	6
3	45	Ba đậu lá dày	Sấp pải		<i>Crotona crassifolius</i> Geisel	14
4	20	Bồ kết rừng	Phi man	Har	<i>Gledisia rolfei</i> Vidal (Roxb)	13
5	75	Cắm xe	Đeng	Rpeh	<i>Xylia xylocarpa</i> (Roxb). Taub	4
6	34	Cà chít		Chít	<i>Shorea obtusa</i> Wall. Munro	19
7	93	Cà giam			<i>Mytragyne diversifolia</i>	18
8	118	Cỏ tranh	Nhạ kha	Jia	<i>Imperata cylindrica</i> L	19
9	53	Cắm lai đen	Pa đông	Kôl	<i>Dalbergia nigrescens</i> Kurz	12
10	26	Chiêu liêu đen	Xợc	Jia rế	<i>Termanalia alata</i> Heyne. ex Roxb	19
11	28	Chiêu liêu ổi		Drăm cóc	<i>Termanalia cortocossa</i>	9
12	29	Chiêu liêu kha tử	Sâm mo	Rleo	<i>Terminalia chebula</i> Retz	2
13	24	Chò nhai	Mìn mon	A sui	<i>Anogeisus acuminatus</i>	10
14	39	Chòi mòi chua	Mậu	Tô rờ ne	<i>Antidesma ghâmbilla</i> Gaert	19
15	111	Cò ke cuống dài	Đong hăng	Xám khí	<i>Grewia</i> sp.	12
16	90	Da hơu	Mụi	Bra sốt	<i>Dioecrescis erythroyclada</i>	2
17	109	Dó tròn	Po pít		<i>Symplocos cochinchinensis</i>	10
18	122	Dầu đồng	Cung		<i>Dipterocarpus tuberculatus</i>	26
19	33	Dầu trà beng	Xạc	Kpang	<i>Dipterocarpus obtusifolius</i> Teys	10
20	15	Đạt phớc	Càng không	Tang tơi	<i>Millingtonia hortensis</i> L.f.	7
21	57	Đậu 3 chẻ	Mạc kham phi	Tap tiar	<i>Desmodium trigulare</i> (Retz) Merr	16
22	120	Địa liên	Tạm mụp	Ajôi	<i>Kaempferia galanga</i> L.	16
23	98	Găng nhung	Nghiên đúc	Bra mǎng	<i>Randia dâycarpa</i> (Kurz) Bakh.f.	18
24	96	Gáo trắng	Tap tau	Pơm	<i>Neolamarckia cadamba</i>	10
25	89	Gáo vàng		Quau	<i>Adina cordifolia</i>	7
26	157	Hồng bì	Sâm nghin		<i>Clausena excavata</i> Burm.	4
27	61	Kơ nia	Pốc	Nher	<i>Irvingia malayana</i> Oliv. ex Benn	9
28	119	Kim cang	Không nọi		<i>Smilax verticalis</i> Gagnep	19
29	9	Lá giang	Phak y loan	N'hs pro chil	<i>Aganonerion polymorphum</i> Pierre	16
30	66	Mã tiền quả cam	Tum ca	Plai kroǎl	<i>Strychnos nux-blanda</i> A.W.Hill	14
31	133	Móng bò		Văn xê quần	<i>Bauhinia</i> sp.	16
32	48	Me rừng	Mạc kham bom	Ajôăt	<i>Phyllanthus emblica</i> L.	12
33	95	Nhàu núi	Nho	Nhao	<i>Morinda citrifolia</i> L.	16
34	16	Núc nác	Mạc lim mạy	Pa lung	<i>Oroxylum indicum</i> (L) Vent	14

Stt	Mã số cây thuốc (CT)	Phổ thông	Tên loài cây thuốc Địa phương		Khoa học	Số cây
			Tên Lào (Cốc)	M'Nông (Tơm)		
35	49	Phèn đen lá nhỏ	Pa đong một lìn		<i>Phyllanthus af. parvifolius</i>	13
36	47	Rì rì	Khay khi lậu	Rai	<i>Homonoia riparia</i> Lour	7
37	11	Sữa	Tim pét	Si N'ha	<i>Astonia scholaris</i> (L) R.Br	5
38	30	Sổ đất	Sạn tịa	Mlo xê	<i>Dillenia hookeri</i> Pierre	17
39	31	Sổ 5 nhị	Kung	Mạc phen	<i>Dillenia pentagyna</i> Roxb	12
40	4	Sung	Ja hạt điều		<i>Semecarpus</i> sp.	12
41	78	Sung	Mạc ca đa	Plai rờ vi	<i>Ficus septica</i> (Bl) Corner	9
42	87	Táo rừng	Leo meo		<i>Ziziphus oenoplia</i> (L) Mill	6
43	41	Thổ mặt Campuchia	Hàng năm	Nhênh	<i>Bridelia cambodiana</i> Gagnep	2
44	40	Thầu tấu	Mọt	Kôn	<i>Aporosa</i> sp.	20
45	81	Trâm đất			<i>Syzygium pieriei</i>	19
46	55	Tràng hạt lá nhỏ	cà đực ng	Tin két	<i>Desmodium griffithianum</i>	12
47	56	Tràng hạt tiên xếp	Tap tr	Két lìn	<i>Desmodium pulchellum</i>	16
48	73	Trinh nữ	Nha nam	Pit gui	<i>Mimosa invisa</i> Mart.et Colla	16
49	63	Vùng	Ka đồn	Tr	<i>Careya sphareica</i> Roxb	16
50	74	Xấu hổ		Log sog	<i>Mimosa pudica</i> L	16
Tổng số cây						626

7 Kết luận và kiến nghị

7.1 Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển loài cây thuốc ở vùng đệm vườn quốc gia Yok Don cho thấy:

- Việc bảo tồn tài nguyên cây thuốc bao gồm hai mặt là bảo tồn tri thức bản địa sử dụng cây thuốc và bảo tồn tài nguyên thực vật làm thuốc theo phương pháp tiếp cận thực vật dân tộc học là phù hợp. Kết quả đã phát hiện được một hệ thống tri thức quý báu của các cộng đồng dân tộc thiểu số ở đây cùng với các loài cây làm thuốc dân gian có giá trị không những có giá trị về bảo tồn tài nguyên mà còn đóng góp vào phát triển thực vật cây thuốc phục vụ dân sinh kinh tế.
- 207 bài thuốc với 172 loài cây thuốc được sưu tầm là một kết quả khả quan trong tiến trình sưu tập, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc ở vùng đệm vườn quốc gia Yok Đôn.
- 32 loài cây thuốc quan trọng trong đời sống cộng đồng vùng đệm đã được xác định mô tả tỉ mỉ công dụng, giá trị, toạ độ phân bố sẽ là cơ sở cho việc chọn lựa, bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc ở đây.
- Tri thức bài thuốc, cây thuốc được sưu tầm mô tả giúp cho việc bảo tồn tài nguyên phi vật chất; ngoài ra các loài cây thuốc cũng được phát hiện chính xác trên thực địa, xác định toạ độ UTM/GPS giúp cho việc quản lí bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc trong vườn quốc gia
- Việc sưu tầm, phát hiện này là một đóng góp, cung cấp thông tin cho y học trong việc sưu tầm, sử dụng các giá trị to lớn của thảo mộc trong chế biến thuốc Việt Nam.
- Nhiều bài thuốc dân gian được phát hiện có giá trị tập trung vào việc điều trị bệnh phụ nữ sau sinh đẻ, chữa rắn cắn, bệnh về thận, gan; các bài thuốc bồi bổ sức khoẻ... Các bài thuốc và cây thuốc này cần được phân tích hoá học, sinh học tỉ mỉ hơn để phát hiện thành phần dược liệu chính.
- Hai vườn sưu tập phục vụ bảo tồn insitu thực vật cây thuốc và góp phần cung cấp cây thuốc cho cộng đồng, là nơi để tiếp tục nghiên cứu về thực vật làm thuốc.

Tóm lại kết quả nghiên cứu các năm 2002 - 2003 đã phát hiện khá toàn diện về các bài thuốc có giá trị trong đời sống cộng đồng và được tập hợp đầy đủ rõ ràng trong tập Bài thuốc – Cây thuốc, Tập bài thuốc quan trọng, tiện cho việc sử dụng, tra cứu, phân loại và tổ chức quản lí, bảo tồn và phát triển phục vụ đời sống xã hội.

7.2 Kiến nghị

Từ nghiên cứu này chúng tôi có các kiến nghị sau đối với vườn quốc gia Yok Đôn và các ban ngành hữu quan:

- Vườn quốc gia Yok Đôn cần tiếp tục thu hút các cơ sở dược liệu kế thừa các kết quả đã phát hiện để nghiên cứu sâu hơn công dụng, thành phần dược liệu của

các bài thuốc - cây thuốc, cách pha chế phục vụ phát triển các bài thuốc rộng rãi.

- In ấn các tài liệu về tài nguyên cây thuốc để phổ biến trong cộng đồng nhằm bảo tồn và lưu truyền kiến thức/văn hoá truyền thống và giáo dục bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trong đó có tài nguyên thực vật làm thuốc
- Vườn quốc gia cần quan tâm đến bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc, đây là một hoạt động bảo tồn đa dạng có giá trị nhất phục vụ đời sống con người. Giải pháp bảo tồn tài nguyên cây thuốc dựa vào cộng đồng là thích hợp nhất; nhằm không ngừng phát huy tri thức bản địa trong sử dụng cây thuốc và nâng cao nhận thức trong cộng đồng về bảo tồn tài nguyên thiên nhiên - đó cũng chính là mục tiêu bảo tồn của vườn quốc gia.
- Một số loài cây thuốc có giá trị hàng hoá đang được mua bán ở đây cần được quản lí, bảo tồn và tổ chức kinh doanh bền vững, tạo ra thu nhập cho cộng đồng vùng đệm trong sản xuất, kinh doanh cây dược liệu bản địa
- Vườn sưu tập cây thuốc ở trong vườn quốc gia và ở cộng đồng Drăng Phok nên tổ chức là nơi giới thiệu về tài nguyên cây thuốc cho khách du lịch; nên tổ chức cho người bản địa giới thiệu kiến thức làm thuốc của họ ở tại vườn, điều này chắc chắn sẽ tạo nên hướng thú cho người quan tâm đến môi trường, kiến thức bản địa – thông qua đó thu hút được du lịch khoa học – sinh thái, tạo nên thu nhập cho cư dân vùng đệm và nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ các giá trị của thiên nhiên môi trường./.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tiến Bân (1997): Cẩm nang ta cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt nam. Nxb Nông nghiệp, Hà nội.
2. Lê Mộng Chân (1992): Thực vật và thực vật đặc sản rừng. Trường Đại học Lâm nghiệp.
3. Võ Văn Chi, Trần Hợp (1999): Cây cỏ có ích ở Việt Nam. Tập 1, NXB Giáo dục. Tp. HCM.
4. Phạm Hoàng Hộ (1991): Cây cỏ Việt Nam, Mekong Printing.
5. Trần Hợp (2000): Cây cảnh hoa Việt Nam. NXB Nông Nghiệp, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Trần Công Khánh (2000): Cây thuốc dân tộc và vấn đề bảo tồn tri thức bản địa về cách sử dụng cây thuốc. Tạp chí dược học 10/2000, trường Đại học Dược Hà Nội, Web site: <http://www.cimsi.org.vn>
7. Đỗ Tất Lợi (1991): Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
8. Phân viện điều tra qui hoạch rừng Nam trung bộ và Tây nguyên (2000): Thực vật vườn quốc gia YokDon.
9. Nguyễn Nghĩa Thìn (1996): Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh học. NXB Nông Nghiệp, Hà Nội.
10. Viện Dược Liệu (1990): Cây thuốc Việt Nam. NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội

Phụ lục

Phụ lục 1: Danh sách người dân cung cấp tri thức cây thuốc, bài thuốc

Thôn buôn	Stt	Họ và tên người dân	Tuổi
Tul A	1.	Y Sa Byă	54
	2.	Y Nhốt Yban	46
	3.	Y Thac Ayun	43
	4.	Y Phiốp A yun	59
	5.	Y Nhươn Niê	49
	6.	Y Ruăch Êban	42
Tul B	7.	Y Siêh Êban	47
	8.	Y Đưng	45
	9.	A Ma Dung	42
	10.	Y Gleh Byă	62
	11.	Y Phem Êban	46
	12.	Y Duon Byă	31
	13.	Y Von Êban	47
Đôn	14.	Y Đan Byă	23
	15.	H'Ruih	59
	16.	Y Ban Hiệp Lào	38
	17.	Y Đôn Êban	55
	18.	Y Thên Êban	64
	19.	Y Tép Byă	62
	20.	Y Nhu Êban	35
	21.	H'Nguă Byă	50
	22.	Y Khanh Niê	38
	23.	H'Ôi Byă	56
Đrăng Phốc	24.	Ma Nha	43
	25.	Ma hiêm	50
	26.	Ma Móc	45
	27.	Ma Phé	50
	28.	Ma tiên	56
	29.	Y Nô	35
	30.	Y Nha	24
	31.	Ma xí	55
Jang lành	32.	Ây Thé	90
	33.	Ma Kông	88

Thôn buôn	Stt	Họ và tên người dân	Tuổi
	34.	Y Mắt	32
	35.	Ma Thảo	36
	36.	Ma Thạ	36
	37.	Ây Điều	70
	38.	Ma vân	35
	39.	A Ma Trang	45
	40.	Ây Thuôn	70
	41.	Y Mức	40
	42.	Ây Vân	75
	43.	Ma lý	50
Ea Mar	44.	Y Mai Niê	30
	45.	Y Lanh Niê	43
	46.	Ma Lâng	50
	47.	Ma Ben	60
	48.	Ma Hương	45
	49.	Y Khu	35
E a Rông	50.	H Phi	34
	51.	Y Tân Ê Ban	72
	52.	Hoàng Quang Xăng	55
	53.	Y Phân Ksor	40
	54.	Y Bin Hmok	27
	55.	Ây Khét	89
	56.	Y Lư Ê ban	30
	57.	Y Klôn Niê kdăm	60
	58.	H' Phi Byă	
Réch	59.	A Ma suối	45
	60.	A Ma Me	43
	61.	Y Khéo	45
	62.	Y Lách	45
	63.	Y Nul	47
	64.	Y Bớt (Ma Khen)	60
	65.	Lê thị tuyết vân	38
	66.	Bun Sống Lào	25
	67.	Phi Líp	18
	68.	Ma Long Hương	40
	69.	Y Siap Mlô	54

Thôn buôn	Stt	Họ và tên người dân	Tuổi
Trí	70.	A Ma Phân	51
	71.	H' Vít H'wing	25
	72.	Y Klét	18
	73.	Ây Nô	80
	74.	Ma Nhôm	48
	75.	Ma Vich (Y Khen)	50
	76.	Y Khiên Ê Ban	43
	77.	Ma Tay (Y Phá)	57
	78.	Ma Thao (Y Lan)	55
	79.	Y Phă Niờ	55
	80.	Y Lang Niờ	65
	81.	Y Phườn MLụ	45
	82.	Y Khương Niờ	45
	83.	Y Sớch ấBan	35
	84.	Y Drăng Byă	44
Nà Xước	85.	Y Phom	50
	86.	A Ma Sui	72
	87.	Hoàng Linh Khiển	50
	88.	Ma Ram	50
	89.	A Ma Gam	69
	90.	Ma Chư Pin	65
	91.	A Mic Ram	40
	92.	Mí Dam	45
	93.	Lê Thị Thư	48
	94.	Nguyễn Bá Hưng	45

Phụ lục 2: Danh sách tham gia nghiên cứu

Số TT	Họ và Tên	Đơn vị
1.	Bảo Huy	Trường ĐH Tây Nguyên
2.	Nguyễn Đức Định	nt
3.	Nguyễn Thị Thanh Hương	nt
4.	Đỗ Lam Điền	nt
5.	Trần Ngọc Hợp	nt
6.	Nguyễn Thị Hường	nt
7.	Nguyễn Đình Thạch	nt
8.	Nguyễn Thanh Điều	nt
9.	Cao Thị Lí	nt
10.	Võ Hùng	nt
11.	Phạm Thị Hiếu	nt
12.	Đinh Văn Báu	Vườn QG Yok Đôn
13.	Mai Văn Hoà	nt
14.	Nguyễn Còn	nt
15.	Chu Cảnh Việt	nt
16.	Nguyễn Văn Tuy	nt
17.	Đào Việt Thành	nt
18.	Kiều Quốc Trung	nt
19.	Hồ Viết Sắc	Cục Lâm nghiệp

Phụ lục 3: Các phiếu điều tra, thu thập bài thuốc, cây thuốc

Phiếu điều tra Bài thuốc – Cây thuốc

(Của đồng bào dân tộc vùng đệm VQG Yok Đôn)

Mã số bài thuốc: BT.....

1. Người được phỏng vấn: Tuổi:

2. Buôn: Xã:

3. Tên bài thuốc:

.....

4. Công dụng:

.....

5. Thành phần cây thuốc:

- Cây số 1: Tên cây (Phổ thông, địa phương):
 - Mã số: CT.....
 - Nơi thu hái:
 - Bộ phận sử dụng:
 - Khối lượng:
- Cây số 2: Tên cây (Phổ thông, địa phương):
 - Mã số: CT.....
 - Nơi thu hái:
 - Bộ phận sử dụng:
 - Khối lượng:
- Cây số 3: Tên cây (Phổ thông, địa phương):
 - Mã số: CT.....
 - Nơi thu hái:
 - Bộ phận sử dụng:
 - Khối lượng:
- Cây số 4: Tên cây (Phổ thông, địa phương):
 - Mã số: CT.....
 - Nơi thu hái:
 - Bộ phận sử dụng:
 - Khối lượng:
- Cây số 5: Tên cây (Phổ thông, địa phương):
 - Mã số: CT.....
 - Nơi thu hái:
 - Bộ phận sử dụng:
 - Khối lượng:

6. Cách pha chế:

7. Cách sử dụng:

8. Vấn đề khác: (Bảo tồn, phát triển, kinh doanh,

Người phỏng vấn:

Ngày phỏng vấn:

PHIẾU MÔ TẢ CÁC CÂY THUỐC LẤY TIÊU BẢN

1. Cây thuốc số: CT..... thuộc bài thuốc số: BT

2. Tên cây:

- Tên địa phương:
- Tên phổ thông/kinh:
- Tên latin:

3. Mô tả sinh cảnh:

- Tên sinh cảnh/kiểu rừng:
- Vị trí (gần ở đâu? buôn, sông, suối,):
- Các loài cây mọc chung:
- Mật độ tiêu bản (ước lượng số cây/100m²):
- Độ hiếm (chia 3 mức: Nhiều, TB, hiếm) kết hợp quan sát và phỏng vấn hiện trường):
.....
- Đất đai (màu sắc, kết von, bí chặt, úng,...):
- Địa hình phân bố: (Ven suối, chân, sườn, đỉnh):
- Đặc điểm khác:

4. Tọa độ UTM xác định bằng GPS

- X =
- Y =

5. Mô tả, đo cây:

- Dạng sống (Cỏ, dây leo, cây bụi, gỗ nhỏ, lớn, ...):
- D_{1.3} (cm): H (m):
- Vỏ (Màu sắc, bề dày,...):
- Lá (đơn, kép,):
- Hoa:
- Trái:
- Sinh trưởng:

Người điều tra (Tên nhà n/c và dân):

Ngày điều tra:

Phụ lục 4: Tổng hợp bài thuốc, cây thuốc theo nhóm bệnh

TẠI 10 BUÔN THUỘC VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA YOKDON

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
1. Các bài thuốc dùng cho phụ nữ sau khi sinh						
1	1. Chòi mòi chua 2. Bồ quân ấn độ 3. Mất mẻo gai	Mậu Mạc beng Ca chai	Tô rờ ne Cấp Tong dơ	Dùng làm thuốc bổ cho phụ nữ khi sinh bị yếu sức	Dùng rễ	Ma Nhôm (B.Trí)
2	1. Chè long	Xe tanh	Chia ran quai	Bổ cho phụ nữ mới sinh	Thân, rễ, lá	Ma Nhôm (B.Trí)
3	1. Cáp gai nhỏ	Nuộc meo	Tec rơ mí	Phụ nữ sau khi sinh	Lấy gỗ	Ma Tiên (Drăng Phôk)
4	1. Côm Bắc Bộ	Mạc khom		Thuốc bổ cho phụ nữ khi sinh	Lấy gỗ	Ây Nô (B. Trí)
5	1. Sổ đất 2. Thị mâm 3. Sưng 4. Cầm xe	Sạn tịa Hưỡng quang Ja hạt điều Đeng	No xê Pôm Kpek	Dùng cho phụ nữ sau khi sinh	1. rễ, củ 2. rễ 3. rễ 4. Lõi	Y Nhốt (B.Tul A)
6	1. Cầm xe	Đeng	Kpek	Thuốc bổ cho phụ nữ mới sinh	Thân cây	Ama Mốt (B.TulB)
7	1. Sổ đất	Sạn tịa	No xê	Thuốc bổ cho phụ nữ sau sinh	1. rễ	Y Đôn ÊBan (B.Đôn)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
	2. Sung	Mạc ka đưa	Plai rờ vi		2. quả xanh	
8	1. Bán tràng	Neng so	Trơn	Bổ cho phụ nữ sau sinh	Thân	Ây Nô (B. Trí)
9	1. Xăng mã răng	Bồn năng		Thuốc bổ cho sản phụ	rễ	Ây Nô (B. Trí)
10	1. Thị mâm 2. Bồ quân ấn độ 3. Rì rì	Hưỡng quang Mạc beng Khay khị lâu	Pôm Cấp Krai	Phụ nữ sau sinh khoẻ mạnh	1. Rễ 2. Rễ 3. Thân	Ama Me (B. Rếch)
11	1. Hoa mai	Sạn nạo		Thuốc bổ cho phụ nữ sau sinh	Rễ	Y Phem (B. tulB)
12	1. Muồng gai 2. Dương đào	Ca chai Xai đen khưa	Tong dơ	Phụ nữ sau khi sinh khoẻ mạnh	1. rễ 2. rễ	Ma Nhôm (B. Trí)
13	1. Gòn rừng 2. Mã rạng	Nhịu pa Gua lĩng	Blang	Thải hết chất dơ sau khi sinh, bổ khoẻ	1. thân gỗ 2. thân gỗ	Ma Vân (Zang Lanh)
14	1. Sổ đất 2. Mã rạng	Sạn tĩa Hạt kơ chai	Mlo xre Tong dơ	Bổ khoẻ sau sinh	1. rễ 2. rễ	Ây Khét (B. Ea Rông)
15	1. Dành dành lá lớn 2. Dót sành 3. Phèn đen lá lớn 4. Chân danh	Nho sụm Pa đông phay	Ngót Drô răng Xi kôl	Phụ nữ sau sinh khoẻ mạnh	1. cả cây và rễ 2. rễ 3. rễ	Y. Bót (B. Rếch)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
		Sám khoai	Rvăk quăn		4. rễ	
16	1. Búp lá nhám		Tí phan	Phụ nữ sau sinh khoẻ mạnh	Rễ	Y Bớt (B.Rếch)
17	1. Biển hướng (Tràng hạt lá nhỏ)	Cà đực ưng	Tin két	Phụ nữ bị ngộ độc thức ăn sau khi sinh	rễ	Y Khu (B.Đôn)
18	1. Dành dành lá tù	Lom phục	Mờ ra tó	Phụ nữ sau sinh không có sữa	rễ	Ây Khét
19	1. Thị mâm	Hương quang	Pôm	Phụ nữ sau sinh co dạ con	rễ	H Phi (B.Ea Rông)
20	1. Thẩu mật	Hàng nam	Nhênh	Phụ nữ bị ngộ độc thức ăn	Rễ hay thân	Ây Nô (B. Trí)
21	1. Cầm xe	Đeng	Kpek	Cầm máu cho phụ nữ băng huyết	rễ, thân	Ama Mốt (B. TulB)
22	1. Tràng hạt cạnh 3	San tế		Phụ nữ sau sinh, chống ngộ độc thức ăn	rễ	Ây Khét (B. Ea Rông)
23	1. Tràng hạt	Két lin	A tát jia	Phụ nữ sau sinh	rễ	Ây Khét (B. Ea Rông)
24	1. Gối hạt	Si nít		Phụ nữ mới sinh bị lạnh bụng	rễ	Ma Tiêng (B.Đrăng Phôk)
25	1. Phên đen nhỏ	Pa đông một lìn	Ngâu bam xê	Phụ nữ mới sinh bị	rễ	Ma Tiêng

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
				lạnh bụng		(B. Đăng Phôk)
26	1. Sổ đất 2. Thị mâm	Mạc sạn tịa Hưỡng quang	No srê Pôm	Tan máu cho phụ nữ mới sinh	1. rễ 2. rễ	Y Khu (B.Đôn)
27	1. Dót sành	Nho sụm	Drô răng	Phụ nữ sau sinh	rễ và lõi cây	Y Sa (B. TulA)
28	1. Ba đậu cuống dài		Sấp pải	Đau đầu, đau bụng khi phụ nữ sinh nở.	rễ củ	Ây Nô (B. Trí)
29	1. Sổ đất	Sạn tịa	No xê	Băng huyết cho phụ nữ sau sinh	rễ, thân	Ma Thạ (B. Zang Lành)
30	1. Mà ca	Muôn cờ tai	Rpai	Phụ nữ sau sinh	rễ, cả cây	Ây Khét (B. Ea Rông)
31	1. Lối thọ	Sắc khị cay	Thuật thôn	Phụ nữ sau sinh bị ngộ độc thức ăn	rễ, cây	Ây Nô (B. trí)
32	1. Bô quân ấn độ	Mạc beng	Cấp	Đau bụng ở phụ nữ sau sinh	rễ	H Phi (B. Ea Rông)
33	1. Dó miết xoan 2. Thị Mâm 3. Thẩu mật 4. Bô quân ấn độ 5. Sổ đất 6. Cầm lai	Hạt điều, sạn niê Hưỡng quang Hàng nam Mạc beng Sạn tịa	Pôm Nhênh Cấp Mlo xê	Trị nhức đầu mỗi một sau khi sinh	1. rễ củ 2. Thân 3. Thân 4. Thân 5. Rễ 6. Vỏ	Ây Thuôn (B.Zang Lành)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
	7. Dành dành lá tù	Pa đông đen Hạt lom phúc	Plai ra tó		7. Rễ	
34	1. Đồng tiền lông	Ling nhây		Băng huyết sau khi sinh	1. rễ	Ây Khét (B. Ea Rông)
35	1. Chân danh 2. Thổ mật Campuchia	Sám khoai Hàng nam	R vak quần Nhênh	Chống ngộ độc cho phụ nữ mới sinh	1. rễ 2. rễ	Y Nha (B. Drăng Phôk)
36	1. Muồng hôi	Láp mứn	Kê pe	Phụ nữ sau sinh, chống ngộ độc thức ăn	rễ	Ma Thao (B. trí)
37	1. Thao kén đực	Pịt cây dăm		Đau dây chằng	rễ	Ây Khét (B. Ea Rông)
2. Nhóm bài thuốc điều trị sốt, sốt rét, hạ nhiệt						
38	1. Hoa mai	Sạn nạo		Sốt, sốt rét	thân	Y lư (Ea Rông)
39	1. Núc nác	Mạc lim mạy	Pa lung	Sốt rét	quả	Ây Nô (B.Trí)
40	1. Sầm 2. Mã tiền	Mượt e Tum ca	Krai Mờ ra vắc	Sốt rét, sốt cách nhạt	1. thân 2. vỏ	Ây Nô (B.Trí)
41	1. Táo rừng lá lớn	Mạc mai	Plai meo	Sốt rét	thân	Ây Nô (B.trí)
42	1. Choại 2. Thị mâm	Hén Hưỡng quang	Jang gia Pôm	Sốt rét	1. gỗ cây 2. rễ	Ây Nô (B.trí)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
	3. Nhàu	Nho	Nhao		3. rễ	
43	1. Chối đực 2. Cỏ tranh	Nhạ khách	Puốc rơ hoai Jia	Hạ nhiệt	1. rễ 2. rễ	H'Ôi (B.Đôn)
44	1. Dùi dục	Pốc sạn	Rao	Sốt rét	rễ	Y Khen (B. Trí)
45	1. Bá bệnh		Xen	Nóng sốt	1. rễ	Y Khiên (B.Trí)
46	1. 2. Chiêu liêu 3. Chiêu liêu xanh	Lom phúc Sâm mo Hén	Mờ ra tó Rleo	Sốt, sốt rét	Cả 3 loại đều dùng rễ	Ma Nhôm (B.Trí)
47	1. Biển hướng	Cà đực ưng	Tin két	Sốt rét	1. rễ	Y Nha (B. Drăng Phôk)
48	1. Dây thùng mùn 2. Bồ quân ấn độ 3. Nhót rừng	Y thực Mạc beng Mạc tẹt	Cấp A doi	Sốt rét, mệt mỏi không ăn được	1. rễ 2. rễ hay gỗ 3. thân	Ma Nhôn (B.Trí)
49	1. Cẩm lai đen	Pa đông	Kôi	Sốt mệt mỏi, đau chân khớp	cây và rễ	Ây Khét (B. Ea Rông)
50	1. Thị mâm	Hưỡng quang	Pôm	Sốt vàng da, bỏ khoẻ	rễ	Ma Nhôm (B. Trí)
51	1. Dành dành ăng co	Khay nâu	Brép	Sốt nóng	thân hay rễ	Y Bin (Ea Rông)
52	1. Đỏm	Tăng tịa		Sốt mới dậy, yếu	rễ	Ây Khét

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
				gầy, mất máu, đau bụng ới mửa		(B.Ea Rông)
53	1. Kơ nia 2. Đạt phước	Pốc Càng không	Nher Tang tơi	Sốt nóng, mất tiếng ở trẻ em	1. thân, cả vỏ 2. gỗ cây	Ây Khét (B. Ea Rông)
54	1. Da hươu 2. Găng mài	Mục đen Mục khảo	Bra sốt Mờ ra xuất ngang	Trị sốt, sốt rét co gật, phụ nữ thiếu sữa sau sinh	1. thân, rễ 2. thân, rễ	Ma Nhôm (B.Trí)
55	1. Mã tiền	Tum ca	Mờ ra vắc	Sốt rét	hạt	Y Khái (B. Ea Mar)
56	1. Cầm xe	Đeng	Rpek	Sốt rét	Nhựa cây	Y Klon (B. Ea Rông)
57	1. Chiêu liêu đen	Ja rế	Xược	Bệnh sỏi	vỏ cây, quả	Ma Chư rim (B.Nà Xược)
58	1. Mã tiền dây	Mạc xén	Plai Kroăl	Sốt rét	hạt	Ma Hiêm (B. Drăng Phôk)
59	1. Cà giam lá tròn	Càng lương	Ko	Sốt rét	thân, rễ	Ma Ni Sân (B. Ea Mar)
60	1. Dúi răng	Săm pho	Kót	Hạ nhiệt	thân, rễ, lá	Ma Tay (B.Trí)
61	1. Gòn rừng	Blang chri	Nhium pa	Hạ nhiệt	rễ, gỗ	Ma Phé (B.Drăng Phôk)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
3. Nhóm bài thuốc bồi bổ sức khoẻ, an thần						
62	1. Biếc tràng	Sấm phăn tưng		Thuốc bổ khoẻ, chống đau lưng	rễ củ	Ma Nhôm (B.Trí)
63	1. Cơm nguội	Peng	Pler	Thuốc bổ	rễ	Y Khen (B.Trí)
64	1. Kam cang	Khưỡng nọi		Thuốc bổ	rễ củ	Ây Nô (B.Trí)
65	1. Nhãn dê	Mạc huộc		Thốc bổ	rễ	Ây Nô (B. Trí)
66	1. Lạc tiên 2. Mắc cỡ	Nhân hàng	R Tao Ling gui	Thuốc bổ khoẻ, ăn ngon ngủ yên	1. cả cây 2. cả cây	Y Gleh (B. Tul B)
67	1. Lạc tiên	Nhân hàng	Rtao	Thuốc an thần	cả cây	Ma tiên (B. Drăng Phôk)
68	1. Bán tràng	Neng so	Trơn	Thuốc bổ khoẻ	lá thân, rễ	Ma Kông (B. Zang Lành)
69	1. Dủ dẻ	Khưạ tin tăng		Thuốc bổ	thân	Ây Nô (B.Trí)
70	1. Hồng bì	Sâm nghin		Bổ khoẻ, tăng sinh lực	lá	Ma Kông (B. Zang lành)
71	1. Củ mài	Khưạ man ta	Pum ri	Bổ khoẻ	củ	Ma Thao (B. Trí)
72	1. Sâm bố chính	Sâm		Bổ khoẻ	rễ, củ	Ma Tay (B. Trí)
4. Nhóm bài thuốc chữa trị mệt mỏi, đau chân, đau lưng, khớp						
73	1. Cỏ xước	Nhạ khô ngu		Đau khớp, đau lưng	cả cây	Ây Nô (B. Trí)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
74	1. Dây hồ đăng	Pa đông khưa		Mỏi chân, đau khớp, bong gân	cả cây	Ây Khét (B. Ea Rông)
75	1. Bưởi bung		Ha pler	Mệt mỏi, đau chân khớp	rễ	Y Khiêm (B. Trí)
76	1. Mã tiên dây	Mạc xén	Plai koă	Bong gân, sai khớp	hạt	Y Mất (B. Zang Lành)
77	1. Gió hẹp	Pi cây đăm		Đau cơ dưới sườn	rễ	Ma Nhôm (B. Trí)
78	1. Muồng hôi 2. Điều	Lấp mứn Plai đao	Ke be	Đau lưng	1. rễ 2. rễ	H' Ôi (B. Đôn)
79	1. Cam thảo dây	Kham khưa		Đau khớp đau xương	rễ	Ây Diêu (B. Zang Lành)
80	1. Mía dò	Ưống		Đau lưng, đau khớp	thân, rễ	Ma Tay (B. Trí)
81	1. Trắc leo	Pa đông khọ		Đau khớp, đau lưng	thân cây	Ma Phé (B. Drăng Phôk)
5. Nhóm bài thuốc trị rắn, rết, bò cạp cắn, ong đốt						
82	1. Găng gai 2. Mã tiên quạ	Nghiên đúc Tum ca	Bra mắng Mờ ra vắc	Trị rắn cắn	1. thân cả vỏ 2. lá và vỏ cây	Ây Khét (B. Ea Rông)
83	1. Mò cua 2. Mắc cỡ	Tim pét Nha nam	N'ha pham Lok sog, pít gui	Rắn cắn	1. vỏ, rễ 2. rễ	Y Sa (B. Tul A)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
84	1. Cây vừng	Ka đôn khột		Rết cắn	vỏ tươi	Ma Nhôm (B. Trí)
85	1. Ba đậu lá dài	Sấp pải		Rắn cắn	cả cây, rễ	Y Khen (B. Trí)
86	1. Mân mây (ngót rừng)	Phát van	Prút	Rắn cắn	vỏ, thân	Y Knul (B. Rếch)
87	1. Cà te (Gỗ đỏ)		Rte	Rắn cắn	Hạt	Y Múc (B. Zang Lành)
89	1. Gai kim dày	Hua ngu	Pinh bắp	Rắn độc cắn	rễ	Ma Thao (B. Trí)
90	1. Củ nưa rừng	Kơ pút		Rắn cắn	củ	Ma Tay (B. Trí)
91	1. Tre le		Nglê	Ong đốt	mụn mềng	Ama Trang (B. Záng Lành)
6. Nhóm bài thuốc trị ho, hen, cảm						
92	1. Muồng gai	Ca chai	Tong dơ	Ho	Rễ	Ma Tiêng (B. Drăng Phôk)
93	1. Đạt phước	Càng không	Tang toi	Ho	rễ hay lõi gỗ	Y Khanh (B. Đôn)
94	1. Tóc tiên 2. Bồ quân ấn độ	Xi xạn Mạc beng	Nam phan Cấp	Ho ra máu	1. lá, rễ cây 2. cả cây	Ây Khét (B. Ea Rông)
95	1. Le		Nglê	Ho	rễ, thân	Y Khiên (B. Trí)
96	1. Cám	Mạc phoc		Ho	thân cành	Ây Nô (B. Trí)
97	1. Hoa sen trắng		Chút	Cảm ho	lá	Y Khen (B. Trí)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
98	1. Ngoại mộc	Hạt pây xám		Ho lao, ho tức ngực	rễ	Ây Khét (B. Ea Rông)
99	1. Kơ nia	Pốc	Nhiar	Ho liên tục	thân cây con (D < 5cm)	Ây Khét (B. Ea Rông)
100	1. Lài rừng	Đam đeng		Ho ra máu	rễ	Ây Khét (Ea Rông)
101	1. Chùm hôi lông	Xờ xách (Mọt)		Ho	rễ	Ma Thao (B. Trí)
102	1. Sóng rắn	Phát xí	Xer	Ho	Rễ	Ma phé (B. Drăng Phôk)
103	1. Tràng hạt cạnh ba	San tế	Pay kiện mân	Ho cảm lạnh, chảy mũi nước	rễ	Ma Trang (B. Zang Lành)
7. Nhóm bài thuốc trị đau mụn nhọt, mẩn ngứa dị ứng, sỏi						
104	1. Vác	Khứa hun	Tao dok ngol	Mụn nhọt	thân, lá	Ây Thé (B. Zang Lành)
105	1. Gáo trắng	Pơm	Táp tau	Mụn nhọt	rễ	Ma Tiên (B. Drăng Phôk)
106	1. Sổ bà	Mạc beng	Kung	Sưng đau mang tai	chồi non	Ma Tiên (B. Drăng Phôk)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
107	1. Gáo lá tròn		Quau	Sưng đau	lá	Ây Nô (B.Trí)
108	1. Chung bầu	Ke	Rlan	Xót ngứa, dị ứng	quả, lá	Ma Tiên (B. Drăng Phôk)
109	1. Núc nác	Mạc lin mạy	Pa lung	Trị bỏng	vỏ	Ây Thuôn (B.Zang Lành)
110	1. Trám lá đỏ	Mạc lượm		Đau sưng ngón tay, chân	vỏ	Ây Nô (B. Trí)
111	1. Sến mủ	Khen	Gler	Rôm, sảy, ngứa nóng người	vỏ và lá	Y Khen (B. Trí)
112	1. Me rừng	Mạc kham bom	Plai doach	Nước ăn chân	vỏ cây	Y Khiên (B.Trí)
113	1. Day hồ đăng		Pa đông khưa	Ghẻ	thân lá	Ma Vân (B. Zang Lành)
114	1. Chàm nhám	Cua ma cang	Sấp pắc xê	Hắc bào, lang beng, mụn nhọt, bỏng	củ	Ây Khét (B. Ea Rông)
115	1. Phèn đen lá nhỏ	Pa đông một lịn	Ngâu bam xê	Ngứa	rễ, lá	Ây Khét (B. Ea Rông)
116	1. Tra đại			Mụn nhọt	củ	Ma Tay (B. Trí)
117	1. Dành dành lông, Găng nhung	Nam then, Nghiên đúc	Bra mắng	Nước ăn chân	quả	Ma tay (B. Trí)
118	1. Biếc tràng	Săm phăn tưng (Dít bồ khậu)		Mụn nhọt	rễ củ	Ma Phé

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
						(B. Drăng Phôk)
119	1. Bời lời nhót	My	Bon	Mụn nhọt	vỏ cây	Ma Phé (B. Drăng Phôk)
120	1. Ngọc nữ trắng		Ngóp	Ngứa, dị ứng	lá	Y Bót (B. Rếch)
121	1. Sổ xoan 2. Thị mằm	Mục sạn Hưỡng quang	Pôm	Sởi	1. thân 2. thân	Ây Khét (B. Ea Rông)
8. Nhóm bài thuốc trị đau bụng, tiêu chảy, kiết lỵ, đau bao tử						
122	1. Tràng hạt	Mạc kham phi	Táp tiar	Đau bụng, sưng to	rễ	Ây Khét (B. Trí)
123	1. Cò ke cuống dài	Khăn khi	Đong hăng	Đau bụng bí tiểu tiện	rễ	H'Nguyă (B. Đôn)
124	1. Vừng	Ka đồn	Tư	Đau bụng	vỏ	Ma Nhôm (B. Trí)
125	1. Bồ quả		Văn xê	Đau bụng, kiết lỵ	rễ	Ây Khét (B. Ea Rông)
126	1. Sưng	Đàm kiện	Ja hạt điều	Đau bụng ói mửa	rễ	Ma Nhôm (B. trí)
127	1. Chiêu liêu ổi		Đrăm kết	Đau bụng`	vỏ	Ma Phé (B. Drăng Phôk)
128	1. Râm (Chò nhai)	Min mon	A sui	Đau bụng	vỏ	Ây Nô (B. Trí)
129	1. Cỏ lào	Nhện hó	Pút	Đau bụng tiêu chảy	lá	Ây Nô (B. Trí)
130	1. Hấu vĩ	Hán cà họt		Đau bao tử	cả cây, rễ	Ây Nô (B. Trí)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
131	1. Dó tròn	Po pít		Đau bụng	rễ	Ây Nô (B. Trí)
132	1. Lá giang	Tổng rên	Phak y loan	Kiết lỵ	rễ cây	Ây Nô (B. Trí)
133	1. Cà chít non			Đau bụng	thân non	YPhi Ôt (B. TukB)
134	1. Đạt phước	Càng không	Tang tơi	Đau bụng trẻ con	rễ	Y Duôn (B. TulB)
135	1. Chiêu liêu đen	Xước	Ja rế	Đau bụng, sốt	quả	Ây Nô (B. Trí)
136	1. Bằng lăng tím	Pười lược		Đau bụng	vỏ cây	?
137	1. Trâm pie		Piêng	Đau bụng tiêu chảy, đau bao tử	rễ	Y Khen (B. Trí)
138	1. Trinh nữ gai	Nha mam	Lok pếch gui	Đau bụng tiêu chảy ra máu	cả cây	Y Tep (B. Đôn)
139	1. Núc nác 2. Sứ cùi 3. Gừng	Mạc lin mạy Chăm pa	Pa lung Chia	Đau bụng, kiết lỵ	1. vỏ 2. hoa 3. củ	H'Nguyă (B. Đôn)
140	1. Hà thủ ô		Chao nưắc	Đau bụng thổ tả	thân, lá, rễ	H' Ôi (B. Đôn)
141	1. Dầu trà beng	Xạc	Pang (kpang)	Thổ tả	thân cây	Ây Nô (B. Trí)
142	1. Thầu tấu lá tròn	Mượt		Chướng bụng đầy hơi	rễ và lá	Ây Khét (B. Ea Rông)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
143	1. Dầu nước	Nhang	R hath	Thổ tả	vỏ	Y Siap (B. Trí)
144	1. Bằng lăng	Pười si đa		Đau bụng	Vỏ	Ây Nô (B. Trí)
145	1. Cốc đắng	Cột cần	Trăn	Đau bụng, thổ tả	rễ	Ây Nô (B. Trí)
146	1. Dó tròn	Po pít		Đau bụng	rễ	Ây Nô (B. Trí)
147	1. Choại 2. Táo rừng lá nhỏ 3. Hầu vĩ 4. Bồ kết rừng	Hén Nam khom Hán cà họt Phi man	Yang rơ ja	Đau bao tử	1. vỏ cây 2. vỏ 3. toàn cây 4. vỏ	Ây Nô (B. Trí)
148	1. Đóm có cọng	Săm sa tịa	Nhên xê	Đau bụng	rễ	Ây Khét (B. Ea Rông)
149	1. Đa đa	Cộn tha		Đau bụng	rễ	Y Đôl (B. Đôn)
150	1. Bằng lăng dây	Khưa nguồn sụm		Đau bụng	cây, rễ	Ây Nô (B. Trí)
151	1. Cỏ sữa lá nhỏ	Nhạ xác mực		Kiết lỵ	toàn cây	Ây Nô (B. Trí)
152	1. Cắm xe	Đeng	Rpeh	Kiết lỵ	vỏ	Ama Vân (B. Zang lành)
153	1. Dầu đồng	Cung		Đau bụng kiết	thân cây nhỏ D < 10cm	Ma Kông (B. Zang Lành)
154	1. Thạch tùng mảnh	Phôi lôm		Đau bụng sinh hơi	cả cây	Ma Trang (B. Zang lành)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
155	1. Chùm hôi lông	Xa ma tĩa (Một)		Đau bụng quặn	rễ	Ma Trang (B. Zang Lành)
156	1. Me rừng	Mạc cưa (Mạc kham bom)	A joắt	Xổ sán xơ mít	quả	Ma Trang (B. Zang Lành)
157	1. Đậu ba chẻ	Mạc kham phi	Táp tiar	Đau đường ruột	rễ	Ây Khét (B. Zang Lành)
158	1. Muồng hoàng yến	Kin khun		Đau bụng đi ngoài	thân	Ây Khét (B. Ea Rông)
159	1. Nhãn rừng	Mạc khọ	Mơ no	Thổ tả	vỏ	Ma Tay (B. Trí)
160	1. Quau núi		Rơ lay	Đau bụng	gỗ	Ma Phé (B. Drăng Phôk)
161	1. Ngái		Thuật thôn	Đau bụng	rễ	Ma Phé (B. Drăng Phôk)
162	1. Móng bò hoa trắng 2. Đỏm có cọng		Văn xê quăn Nhênh xê	Đau bụng	1. rễ 2. rễ	Y Bớt (B. Rếch)
163	1. Lôi thọ	Sắc khị cay	Bra xuất	Đau bụng	rễ hay gỗ	Y Bớt (B. Rếch)
9. Nhóm bài thuốc trị đau răng, sâu răng						
164	1. Chùm hôi	Một		Đau răng	rễ	Y Nha

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
						(B. Drăng Phôk)
165	1. Ba đậu lá dày	Con khoc		Sâu răng	rễ, củ	Ây Nô (B. Trĩ)
166	1. Lá lốt	Phát y lốt		Đau răng	rễ	Y Rưởn (B. TuIA)
167	1. Táo Campuchia	Mạc mai	Gong	Đau răng, viêm họng	vỏ	Ma Tay (B. Trĩ)
168	1. Sến mủ	Khen	Gher	Đau răng	vỏ	Ây Thuôn (B. Zang lành)
10. Nhóm bài thuốc trị đau thận, đau lưng, bí tiểu, đái đường						
169	1. Dó hẹp	Pit cây đăm		Đau thận, đái đục	rễ	Ma Nhôm (B. Trĩ)
170	1. Gối hạc 2. Đậu bắp 3. Bông vải	Djắc nêp Phai doc	Si nit	Đau thận, tiểu ra máu, tức hong	1. rễ 2. rễ 3. rễ	H' Ôi (B. Đôn)
171	1. Hà thủ ô	Khư pa song	R' tao sắc	Đái buốt, khó đi tiểu	rễ	Y lanh (B. Ea Mar)
172	1. Dứa dại 2. Xấu hổ 3. Trinh nữ gai 4. Ruột gà 5. Cỏ tranh	Tươi pa Nam meo Nam láp mưn Nam có Nha kha	Log song Pit gui Jia	Đái đường	1. rễ 2. rễ 3. rễ 4. cả cây 5. rễ	Ma Lý (B. Zang Lành)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
173	1. Bồ quân ấn độ 2. Cỏ tranh	Mạc beng	Cấp Jia	Bí tiểu	1. thân 2. rễ	Ama Me (B. Rếch)
174	1. Găng trương		Plai ra xuất	Bí tiểu, đái đục, thận	rễ	Ma Nhôm (B. Trí)
175	1. Da hươu	Mũi đen	Bra sốt	Đau thận	rễ	Ây Xờ Vút (B. Đôn)
176	1. Tràng hạt lá nhỏ	Ứng	Tin kết	Đau thận	thân rễ	Ây Xờ Vút (B.Đôn)
177	1. Cốt toái bồ	Tắc kè đá	Chút	Đau thân, tiểu ra máu, sỏi thận	thân rễ	Ma Nha (B. Drăng Phôk)
178	1. Kim tiền thảo			Đau thận, sỏi thận	cả cây	Ma Nha (B. Drăng Phôk)
179	1. Cốt toái bồ 2. Bồ ngót 3. Mía đen		Chút	Đau thận, sỏi thận	1. thân rễ 2. rễ 3. thân	Y Bớt (B. Rếch)
11. Nhóm bài thuốc cầm máu vết thương, máu cam						
180	1. Cỏ lào	Nhạ nhện hó	Pút	Cầm máu	lá và đọt non	Mẹ Măng (B. Trí)
181	1. Địa liên	Tạm mụp	Ajôr	Cầm máu	củ	Y Khiên (B. Trí)
182	1. Tre, le		Ngle	Cầm máu	lớp vỏ ngoài thân	Y Siáp (B. trí0
183	1. Đuôi trâu	Xai đen	Ray nhút	Chảy máu cam	rễ	Ây Nô (B. Trí)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
184		Muợt eo		Chảy máu cam	rễ	Ây Khét (B. Ea Rông)
12. Nhóm bài thuốc trị bệnh phù thũng						
185	1. Sộp	Hay		Phù	rễ	Y Khen (B. Trí)
186	1. Nhàu lông 2. Hà thủ ô	Xổm cốp Khứa pa song	Chao N' rắc	Phù thũng	1. thân cây 2. củ	Ây Điêu (B. Zang Lành)
187	1. Cà chít 2. Cẩm liên 3. Cẩm xe 4. Chiêu liêu đen 5. Chiêu liêu kha tử 6. Chiêu liêu xanh 7. Sổ bà	Chít Hằng Đeng Pụt xưọc Pụt xâm mo Hén Mạc phen	Rpeh Jia rế Rleo Jang gia Kung	Phù thũng	7 loài trên đều lấy nu trên thân cây	Ây Thuôn (B. Zang Lành)
188	1. Thuỷ lệ	Phak ca điên		Bệnh phù	cả cây	Ma tay (B. Trí)
13. Nhóm thuốc trị bại liệt, tê liệt chân, tay						
189	1. Đền 5 lá 2. Cẩm lai đen 3. Cẩm xe 4. Mã tiền	Pa đong liêm Pa đong Đeng Tum ca	Kpeh	Tê liệt tay, chân	6 loại trên đều lấy vỏ tươi	Ây Nô (B. Trí)

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
	5. Dung lá trà 6. Búng	Mượt khậu Mạc cộc độn (cam)				
190	1. Sục sặc kim	Phat ven khột		Tê liệt	toàn thân	Ây Nô (B. Trí)
14. Nhóm bài thuốc trị đau mắt						
191	1. Cương Bắc bộ	Nhạ cam pao	Xách	Phòng đau mắt	hạt	Y Khiên (B. Trí)
192	1. Thành ngạnh		Rơ ngen	Đỏ mắt, đau mắt	lá non	Ma Phé (B. Drăng Phôk)
193	1. Mã tiền cam	Tum ca	Plai Kroäl	Đau mắt, đỏ mắt	gỗ	Y Bót (B. Rếch)
15. Nhóm bài thuốc trị bệnh gan						
194	1. Nhân trần	Klôi bri		Chống xơ gan, trúng gió, bồi bổ cơ thể	cả cây	Y Khanh (B. Đôn)
195	1. Nhàu núi	Nho	Nhao	Vàng da, gan	rễ	Ma Nhôm (B. trí)
16. Nhóm bài thuốc trị đau bao tử						
196	1. Đoản kiếm áo 2. Kiệt thảo	Kết lin to phụ Kết lin tô me		Đau bao tử	2 loại đều lấy toàn thân, rễ, lá	Ây Điều (B. Zang Lành)
197	1. Tràng hạt xếp tiền	Hằng cay (Két lin)	Táp tư	Đau bao tử	rễ	Ma Vân (B. Zang Lành)
198	1. Cóc Đẳng	Chít pươi (cọt căn)	Trăn	Đau bao tử, ruột,	thân	Ây Khét

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
				phổi, gan, lá lách		(B. Ea Rông)
199	1. Sổ xoan	Mụn sạn	Mlo	Đau bao tử	vỏ, gỗ, thân	Ma Kông (B. Zang lành)
200	1. Kim cang lớn		Rtao nam dong	Đau bao tử	rễ củ	Ma Nha (B. Drăng Phôk)
17. Nhóm bài thuốc trị bệnh thương hàn						
201	1. Gáo nước 2. Thị mâm 3. Chiêu liêu xanh 4. Mã tiền 5. Cẩm lai vú	Càng lương Hưỡng quang Hén Tum ca Pa đông đen	Ko Pôm Jang gia Plai Kroäl	Đau thương hàn	1. rễ 2. rễ 3. thân 4. thân 5. cây	Ây Điêu (B. Zang Lành)
202	1. Sục sặc kim 2. Dương đào 3. Chiêu liêu xanh	Phắc ven khộc Khưa kháo khiệp Hén	Jang gia	Thương hàn	1. cả cây 2. thân 3. thân	Ama Trang (B. Zang Lành)
18. Một số bài thuốc trị các bệnh khác						
203	1. Cò ke cuống dài	Xám khí	Đong hăng	Đau tim khó thở	rễ	Ây Xơ Vút (Ea Rông)
204	1. Lan đoản kiếm	Đam phi		Đau tai, thối tai	lá	Ma Thao (B. Trí)
205	1. Táo rừng nhỏ	Léo meo		Bệnh lậu, mụn nhọt	rễ	Ây Khét

Mã số bài thuốc (BT)	Tên cây thuốc			Công dụng	Bộ phận sử dụng	Người cung cấp
	Tên phổ thông	Tên Lào (Cốc)	Tên M'Nông (Tơm)			
						(B. Ea Rông)
206	1. Rì rì 2. Cỏ gấu	Khả khị lậu Nhạ hệt mú	Rai	Bệnh lậu	1. thân 2. toàn thân	Ây Vân (Zang Lành)
207	1. Nấm trên cây bồ kết rừng	Phi man	Har	Giải độc	Chỉ lấy nấm mọc ở vị trí 1 - 1.3m	Ây Khét (B. Ea Rông)

Phụ lục 5: Thống kê các loài cây thuốc theo Họ, Chi, loài

Mã số CT	Loài	Họ	Số chi
126	Barleria strigosav Will	Acanthaceae	1
1	Actinidia sp.	Actinidiaceae	1
2	Buchanania siamensis	Anacardiaceae	4
3	Lannea coromandelica	nt	
4	Semecarpus sp	nt	
5	Achyranthes aspera	nt	
6	Demos dumosus	Annonaceae	3
7	Polyalthia cerasoides	nt	
8	Uraria microcarpa	nt	
9	Aganonerion polymorphum	Apocynaceae	3
10	Aganosma acuminata	nt	
11	Alstonia scholaris	nt	
12	Hemidesmus sp	Asclepiadaceae	2
13	Streptocaulon juvenas	nt	
14	Eupatorium odoratum	Asteraceae	1
15	Millingtonia hortensis	Bignoniaceae	3
16	Oroxum indicum	nt	
131	Stereospermum cylindricum Pierrei	nt	
132	Bombax anceps	Bombacaceae	1
17	Canarium subulatum	Burseraceae	1
18	Caesalpinia sp.	Caesalpiniaceae	5
19	Cassia tora	nt	
20	Gledisia rolfei	nt	
133	Bauhinia sp.	nt	
134	Bauhinia lakonensis Gagn.	nt	
135	Afzelia xylocarpa Craib.	nt	
136	Cassia fistula L.	nt	
21	Capparis micrantha	Capparaceae	2
22	Crataeva adansonii	nt	
23	Parinari annamense	Chrysobalanaceae	1
130	Euonymus sp.	Celastraceae	1

Mã số CT	Loài	Họ	Số chi
24	Anogeisus acuminatus	Combretaceae	4
25	Combretum quadrangulare	nt	
26	Terminalia alata	nt	
27	Terminalia bellirica	nt	
28	Terminalia corticosa	nt	
29	Terminalia chebula	nt	
159	Combretum sp.	nt	
30	Dillenia hookeri	Dilleniaceae	1
31	Dillenia pentgyna	nt	
139	Dillenia ovata Wall.	nt	
23	Dipterocarpus alatus	Dipterocarpaceae	2
33	Dipterocarpus obtusifolius	nt	
34	Shorea obtusa	nt	
35	Shorea roxburghii	nt	
121	Shorea siamensis	nt	
122	Dipterocarpus tuberculatus	nt	
36	Diospyros eheretiodos	Ebenaceae	1
37	Elaeocarpus tonkinensis	Elaeocarpaceae	1
38	Eleagnus sp	Eleagnaceae	1
39	Antidesma ghaesembilla	Euphorbiaceae	9
40	Aporosa sp	nt	
41	Bridelia cambodiana	nt	
42	Bridelia pedicellata	nt	
43	Bridelia sp	nt	
44	Croton af.maieuticus	nt	
45	Croton crassifolius	nt	
46	Euphorbia hirta	nt	
47	Homonoia riparia	nt	
48	Phyllanthus emblica	nt	
49	Phyllanthus af. parvifolius	nt	
146	Macaranga sp.	nt	
147	Phyllanthus sp.	nt	
156	Suregada glomerulata (Blume) Baill	nt	
50	Campylotropis sp.	Fabaceae	11

Mã số CT	Loài	Họ	Số chi
51	Clitoria hanceana	nt	
52	Crotalaria acicularis	nt	
53	Dalbergia nigrescens	nt	
54	Dalbergia volubilis	nt	
55	Desmodium griffithianum	nt	
56	Desmodium pulchellum	nt	
57	Desmodium trigulare	nt	
58	Desmodium triquetrum	nt	
59	Uraria cordifolia	nt	
148	Desmodium styracifolium(Osb.) Merr.	nt	
149	Indigofera squalida Prain	nt	
150	Dalbergia rimosa var. foliacea	nt	
151	Dalbergia mammosa Pierre	nt	
152	Desmodium blandum Meuwen.	nt	
153	Tephrosia vestica Vogel.	nt	
154	Abrus sp.	nt	
155	Christia obcordata (Poir.) Bakh	nt	
60	Flacourtia indica	Flacourtiaceae	1
125	Hydrolea zeilanica(L.) Vahl.	Hydrophyllaceae	1
137	Cratoxylon prunifolium Dyer	Hypericaceae	1
61	Irvingia malayana	Irvingiaceae	1
129	Litsea glutinosa Roxb.	Lauraceae	1
62	Barringtonia acutangula	Lecythidaceae	2
63	Careya sphaerica	nt	
64	Leea aequata L.	Leeaceae	1
65	Strychnos axilaris	Loganiaceae	1
66	Strychnos nux-blanda	nt	
67	Lagerstroemia calyculata	Lythraceae	1
68	Lagerstroemia sp	nt	
69	Lagerstroemia speciosa	nt	
70	Hiptage sp	Malpighiaceae	1
71	Sida acuta	Malvaceae	3
160	Hibicus asperifolius Gagn	nt	
161	Thespesia lampas (cav.) Dalz	nt	

Mã số CT	Loài	Họ	Số chi
162	Hibiscus sagitifolius Kurz.	nt	
72	Memecylon edule	Melastomaceae	1
73	Mimosa invisa	Mimosaceae	4
74	Mimosa pudica	nt	
75	Xylia xylocarpa	nt	
141	Albizia procera (Roxb.) Benth.	nt	
142	Entada glandulosa Pierre	nt	
76	Cisampelos sp	Menispermaceae	1
77	Ficus superba	Moraceae	2
78	Ficus racemosa	nt	
127	Streblus asper Lour.	nt	
128	Ficus hispida L.f	nt	
79	Ardisia sp	Myrsinaceae	2
80	Embelia af. laeta	nt	
81	syzygium pieriei	Myrtaceae	1
82	Nelumbo nucifera	Nelumbonaceae	1
83	Ochna integerma	Ochnaceae	1
140	Jasminum sp.	Oleaceae	1
84	Passiflora foetida	Passifloraceae	1
85	Piper lolot	Piperaceae	1
86	Ziziphus cambodiana	Rhamnaceae	1
87	Ziziphus oenoplia	nt	
88	Carallia diplopetala	Rhizophoraceae	1
89	Adina cordifolia	Rubiaceae	9
90	Dioecrescis erythroclada	nt	
91	Gardenia angkorensis	nt	
92	Gardenia obtusifolia	nt	
93	Mitragyne diversifolia	nt	
94	Mitragyne rotundifolia	nt	
95	Morinda citrifolia	nt	
96	Neolamarckia cadamba	nt	
97	Pavetta pitardii	nt	
98	Randia dasycarpa	nt	
99	Randia spinosa	nt	

Mã số CT	Loài	Họ	Số chi
100	Randia af..turgida	nt	
143	Gardenia sp.	nt	
144	Borreria alata D.C	nt	
145	Morinda tomentosa Heyn	nt	
101	Clausena excavata var. villosa	Rutaceae	2
102	Acronychia olizophlebia	nt	
157	Clausena excavata Burm.	nt	
103	Lepisanthes rubiginosa	Sapindaceae	3
123	Allophylus fuscus Radlk	nt	
124	Schleichera oleosa (Lour) Oken.	nt	
104	Adenosma indianum	Scrophulariaceae	1
105	Harrisonia perforata	Simaroubaceae	2
106	Eurycoma longifolia	nt	
107	Symplocos cochinchinensis	Symplocaceae	1
108	Helicteres angustifolia	Sterculiaceae	1
109	Helicteres isora	nt	
110	Helicteres lanceolata	nt	
158	Wikstroemia androsaemifolia	Thymeleaceae	1
111	Grewia sp.	Tiliaceae	1
112	Cayratia trifolia	Vitaceae	1
113	Vitex sumatrana	Verbenaceae	3
114	Gmelina arborea	nt	
138	Clerodendrum sp.	nt	
163	Dioscorea persimilis Prain	Dioscoreaceae	1
115	Scleria tonkinensis	Cyperaceae	2
166	Cyperus rotundus L.	nt	
116	Asparagus cochinchinensis	Liliaceae	1
117	Oxytenanthera nigro-ciliata	Poaceae	2
118	Imperata cylindrica	nt	
119	Smilax verticalis	Smilacaceae	1
168	Smilax china L.	nt	
120	Kaempferia galanga	Zingiberaceae	2
165	Costus speciosus (K.) Smith	nt	
164	Pseudodracontium unomalum N.E.Br	Araceae	1

Mã số CT	Loài	Họ	Sô chi
167	Cleisostoma duplicilopium Garay	Ochidaceae	1
169	Pandanus ceratostigma Mart.	Pandanaceae	1
170	Drynaria fortunei J.Sm	Polypodiaceae	1
171	Lygodium flexuosum (L) Sw.	Lygodiaceae	1
172	Lycopodium sp.	Lycopodiaceae	1
Tổng cộng 172 loài		69 họ	131

Phụ lục 6: Sơ đồ vườn cây thuốc cộng đồng buôn Drăng Phok

Sơ đồ vườn Cây thuốc Buôn Drăng Phok (01 ha)

Tổng số cây	Nhóm I							Nhóm II							Nhóm III						
509	22	22	21	23	21	24	25	22	23	23	22	29	27	30	28	26	21	26	26	24	24
30														Văn xê Móng bò đỏ							
29													Văn xê Móng bò đỏ	Ya hạt điều Sng							
28												Nho sùm Đốt sành	Văn xê Móng bò đỏ	Pa dong khộ Trắc leo	T.kết Dưới						
27												Pa dong khộ Trắc leo	Ya hạt điều Sng	Nam phan Tóc tiên	T.kết Dưới						
26												Nam phan Tóc tiên	Pa dong khộ Trắc leo	Nho sùm Đốt sành	T.kết Dưới	T.kết Dưới		T.kết Dưới	T.kết Dưới		
25	Tăng tĩa Đóm	Tăng tĩa Đóm	Tăng tĩa Đóm	Tăng tĩa Đóm	Tăng tĩa Đóm	Tec rmi Cáp gai nhỏ	Tăng tĩa Đóm		Văn xê Móng bò đỏ	Hang nam Thổ mặt Cambốt	Văn xê Móng bò đỏ	Văn xê Móng bò đỏ	Nho sùm Đốt sành	Nam phan Tóc tiên	Pa dong khộ Trắc leo		T.kết Dưới		T.kết Dưới	T.kết Dưới	
24	Tec rmi Cáp gai nhỏ	Tec rmi Cáp gai nhỏ	Tec rmi Cáp gai nhỏ	Tec rmi Cáp gai nhỏ	Tec rmi Cáp gai nhỏ	Tec rmi Cáp gai nhỏ	Tec rmi Cáp gai nhỏ		Pa dong Cẩm lai đen	Văn xê Móng bò đỏ	Văn xê Móng bò đỏ	Ya hạt điều Sng	T.nhềnh Thổ mặt Cambốt	Nho sùm Đốt sành	Pa dong khộ Trắc leo	Nhên xê Đóm có cọng	T.kết Dưới		T.kết Dưới	T.sì rít Gói hạt	Cốc không nội Kim cang

23	Tec rní Cáp gai nhỏ	Tec rní Cáp gai nhỏ	Tec rní Cáp gai nhỏ	Ya hạt điều Sng	Ya hạt điều Sng	Tim pét sữa	Ya hạt điều Sng		Pa dong Cắm lai đen	Pa dong Cắm lai đen	Pa dong Cắm lai đen	Pa dong Cắm lai đen	Pa dong khọ Trắc leo	T.nhềnh Thổ mặt Cambốt	T.nhềnh Thổ mặt Cambốt		T.si rít Gối hạt	Cốc không nọi Kim cang		Cốc kh- ông nọi Kim cang		T.kết Duối	T.kết Duối
22	Ya hạt điều Sng		Ya hạt điều Sng	Nam phan Tóc tiên	Tim pét sữa	Nam phan Tóc tiên	Ya hạt điều Sng		Pa dong Cắm lai đen	Nam phan Tóc tiên	Nam phan Tóc tiên	Nam phan Tóc tiên	Đrăm cóc Chiêu liêu ỏi	Pa dong khọ Trắc leo	T.nhềnh Thổ mặt Cambốt		T.si rít Gối hạt					T.kết Duối	Cốc không nọi Kim cang
21		Tim pét Sữa	Cà đục ng Biển h- ồng	Tap tau Gáo trắng	Nam phan Tóc tiên	Nho sụm Đót sành	Đrăm cóc Chiêu liêu ỏi		Ya hạt điều Sng	Nho sụm Đót sành	Nho sụm Đót sành	Ya hạt điều Sng	T.nhềnh Thổ mặt Cambốt		Pa lung Núc nắc		Nam phan Tóc tiên	Ya hạt điều Sng	T.kết Duối			Cốc không nọi Kim cang	
20	Hang nam Thổ mặt Cam bốt	Nam phan Tóc tiên	Nam phan Tóc tiên	Nam phan Tóc tiên	Nho sụm Đót sành	Đrăm cóc Chiêu liêu ỏi	Nam phan Tóc tiên		Nho sụm Đót sành	Nho sụm Đót sành	Ya hạt điều Sng	Pa dong khọ Trắc leo	Pa lung Núc nắc	T.nhềnh Thổ mặt Cambốt	Pa lung Núc nắc		Pa lung Núc nắc		T.kết Duối		Chó đẻ		
19	Hang nam Thổ mặt Cam bốt	Nam phan Tóc tiên	Nam phan Tóc tiên	Nam phan Tóc tiên	Nho sụm Đót sành	Mạc beng Bò quân ấn	Nho sụm Đót sành		Hang nam Thổ mặt cambốt		Pa dong khọ Trắc leo		Pa lung Núc nắc	Pa lung Núc nắc	T. Plai rờ vi Sung		Chó đẻ	Nam phan Tóc tiên		Pa lung Núc nắc	Nam phan Tóc tiên		
18	Hang nam Thổ mặt Cam bốt	Pa dong khọ Trắc leo	Pa dong khọ Trắc leo	Hang nam Thổ mặt Cam bốt	Nho sụm Đót sành	Mạc beng Bò quân ấn	Nho sụm Đót sành		Pa dong Cắm lai đen			Hang nam Thổ mặt Cambốt	T. Plai rờ vi Sung	T. Plai rờ vi Sung	T.kết Duối		T. Mlô xrê Sổ	Tang toi Đát phốc		Pa lung Núc nắc	Nam phan Tóc tiên		T.si rít Gối hạt
17	Pa dong khọ Trắc leo	Hang nam Thổ mặt Cam bốt	Pa dong khọ Trắc leo		Mạc beng Bò quân ấn	Hang nam Thổ mặt Cam bốt	Nho sụm Đót sành		Pa dong Cắm lai đen	T. Plai rờ vi Sung	Pa lung Núc nắc	Pa lung Núc nắc	T.kết Duối	T.kết Duối	T.kết Duối		T.si rít Gối hạt	Yang gia Chiêu liêu xanh		Yang gia Chiêu liêu xanh	Pa lung Núc nắc	Nam phan Tóc tiên	Pa lung Núc nắc

16	Pa dong khô Trác leo	Hang nam Thổ mặt Cam bốt	Drăm cóc Chiêu liêu ỏi	T.cấp Bồ quân ấn	Mạc beng Bồ quân ấn	Hang nam Thổ mặt Cam bốt	T.cấp Bồ quân ấn		T. Plai rờ vi Sung	T.Plai rờ vi Sung	T. Plai rờ vi Sung	T. Plai rờ vi Sung	T.kết Duối	T.kết Duối	T.cấp Bồ quân ấn		T.si rít Gối hạt	Nhên xrê Đôm có cọng		Chó đẻ	Chó đẻ	Nam phan Tóc tiên	T.si rít Gối hạt
15	Hang nam Thổ mặt Cam bốt	T.kết Duối		Hang nam Thổ mặt Cam bốt	Hang nam Thổ mặt Cam bốt	Pa lung Núc nắc	T.cấp Bồ quân ấn		T. Plai rờ vi Sung	T. Plai rờ vi Sung	T.kết Duối	T. plai rờ vi Sung	T.kết Duối	T.kết Duối	T.cấp Bồ quân ấn		T.si rít Gối hạt	Nhên xrê Đôm có cọng		Dong hăng Cò ke cuốn g dài	T. si rít Gối hạt	Cốc hăng Cầm liên	T.si rít Gối hạt
14	T.Kết Duối	T.cấp Bồ quân ấn	Pa dong Cầm lai đen	T.kết Duối	Hang nam Thổ mặt Cambốt	Pa lung Núc nắc	Hang nam Thổ mặt Cambốt			T. kết Duối	T.cấp Bồ quân ấn	T.kết Duối	T.cấp Bồ quân ấn	T.cấp Bồ quân ấn	Tong dơ Muông gai		T. Plai rờ vi Sung	T.si rít Gối hạt	T.cấp Bồ quân ấn	T.si rít Gối hạt	Dong hăng Cò ke cuốn dài	Dong hăng Cò ke cuốn dài	Chó đẻ
13	Họ Đậu	Họ Đậu	Hang nam Thổ mặt Cambốt	Hang nam Thổ mặt Cambốt	T.kết Duối	Pa lung Núc nắc	Hang nam Thổ mặt Cambốt		Tong dơ Muông gai	Tang tới Đạt ph- ốc		T.cấp Bồ quân ấn	T.cấp Bồ quân ấn	T.cấp Bồ quân ấn	Tong dơ Muông gai		T. Plai rờ vi Sung	T. Mlo xrê Sổ	Pa lung Núc nắc	T. Plai rờ vi Sung	Dong hăng Cò ke cuốn dài	T.si rít Gối hạt	Dong hang Cò ke cuốn dài
12	T.Cấp Bồ quân ấn	Họ Đậu		Pa lung Núc nắc		T.kết Duối	Pa lung Núc nắc		Tang tới Đạt phốc	Tang tới Đạt ph- ốc	Pa lung Núc nắc		Tong dơ Muông gai	Tong dơ Muông gai	Nam phan Tóc tiên		Nhên xrê Đôm có cọng	Tìm pét sữa	Tìm pét sữa	T. Plai rờ vi Sung	T.si rít Gối hạt	T. Plai rờ vi Sung	T. Plai rờ vi Sung
11		T.xer Sóng rán	T.kết Duối	Pa lung Núc nắc	T.kết Duối	T.kết Duối	Pa lung Núc nắc		T. Mlo xrê Sổ đất	Tong dơ Muông gai	Tong dơ Muông gai	Tong dơ Muông gai	Nam phan Tóc tiên	Tong dơ Muông gai	Drăm cóc Chiêu liêu ỏi		Tang tới Đạt phốc	T. Plai rờ vi Sung	Dong hăng Cò ke cuốn dài	Tang tới Đạt phốc	Nhên xrê Đôm có cọng	T. Plai rờ vi Sung	T. Plai rờ vi Sung
10		T.xer Sóng rán	Họ đậu	T.kết Duối		Họ đậu	Pa lung Núc nắc			Tơm nam dong Kim cang lớn	Tong dơ Muông gai	Tìm pét sữa	Tang tới Đạt ph- ốc	Nam phan Tóc tiên	Tang tới Đạt ph- ốc		Ya hạt điều Sng	Tang tới Đạt phốc	T.si rít Gối hạt	Cốc cợn tha Đa đa	T. Plai rờ vi Sung	Ya hạt điều Sng	T. Plai rờ vi Sung
9		Tong dơ Muông gai	T.xer Sóng rán	T.kết Duối		Tong dơ Muông gai	T.kết Duối		Tong dơ Muông gai	Tìm pét sữa		Tong dơ Muông gai	Tìm pét sữa	Tang tới Đạt ph- ốc	Tang tới Đạt ph- ốc		Ya hạt điều Sng	Tìm pét sữa	T. Plai rờ vi Sung	Tìm pét sữa	Chó đẻ		T.nhên h Thổ mặt Cam

																							bót
8	Hang nam Thổ mặt Cam bót	T.cấp Bồ quân ấn	T.cấp Bồ quân ấn	Họ đậu	Tong dơ Muông gai	Tong dơ Muông gai	Họ Đậu			Drăm cóc Chiêu liêu ỏi	Cốc không nội Kim cang	Tong dơ Muông gai	Tim pét sữa	Tang tới Đạt ph- ớc	T. Mlo xrê Sô đất		Cốc kh- ông nội Kim cang	Tang tới Đạt phớc	T. Plai rờ vi Sung	Tang tới Đạt phớc	T. Agây Biển hóng	Tim pét sữa	T.cấp Bồ quân ấn
7	T.xer Sóng rán			Tong dơ Muông gai	Tong dơ Muông gai	T.xer Sóng rán	T.xer Sóng rán		Tong dơ Muông gai	Nho sụm Đót sành	Drăm cóc Chiêu liêu ỏi	Tim pét sữa	Cốc kh- ông nội Kim cang	Tang tới Đạt ph- ớc	Ya hạt điều Sng		Cốc kh- ông nội Kim cang	Chó đẻ	Tang tới Đạt ph- ớc	T.si rít Gối hạt	Nhên xrê Đòm có cọng	Chó đẻ	T.cấp Bồ quân ấn
6	Tong dơ Muông gai		Tong dơ Muông gai	T.cấp Bồ quân ấn	T.xer Sóng rán	T.cấp Bồ quân ấn	T.cấp Bồ quân ấn			Nho sụm Đót sành	Nho sụm Đót sành	Tim pét sữa	Tim pét sữa	Cốc kh- ông nội Kim cang	Tim pét sữa		Ya hạt điều Sng	Tang tới Đạt phớc	Tang tới Đạt ph- ớc	Tang tới Đạt phớc	Tang tới Đạt phớc	T.si rít Gối hạt	T.cấp Bồ quân ấn
5	T.Cấp Bồ quân ấn		T.cấp Bồ quân ấn	T.xer Sóng rán	T.cấp Bồ quân ấn	Tang tới Đạt ph- ớc	T.xer Sóng rán		Nho sụm Đót sành	Nho sụm Đót sành	Nho sụm Đót sành	Nho sụm Đót sành	Nho sụm Đót sành	Tim pét sữa	Tim pét sữa		T.si rít Gối hạt	Tang tới Đạt phớc	T.si rít Gối hạt	Tang tới Đạt phớc	Tang tới Đạt phớc	T. Plai rờ vi Sung	Tang tới Đạt phớc
4	Tang tới Đạt phớc	Tang tới Đạt phớc	Pa lung Núc nác	Tong dơ Muông gai	Tang tới Đạt ph- ớc	Tang tới Đạt ph- ớc	Tong dơ Muông gai		Cốc một Chùm hỏi	Cốc một Chùm hỏi	Drăm cóc Chiêu liêu ỏi	Tim pét sữa	Cốc một Chùm hỏi	Ya hạt điều Sng	Nho sụm Đót sành		Ya hạt điều Sng	Tang tới Đạt phớc	Tang tới Đạt ph- ớc	Tang tới Đạt phớc	Ya hạt điều Sng	Chó đẻ	Tang tới Đạt phớc
3	T. Plai rờ vi Sung	T. Plai rờ vi Sung	T. Plai rờ vi Sung	Pa lung Núc nác	T. Plai rờ vi Sung	T. Plai rờ vi Sung	Tang tới Đạt ph- ớc		Dong hăng Cò ke cuống dài	Dong hăng Cò ke cuống dài	Cốc một Chùm hỏi		Ya hạt điều Sng	Cốc một Chùm hỏi	Ya hạt điều Sng		Ya hạt điều Sng	Nhên xrê Đòm có cọng	T.nhên h Thổ mặt Cambót	T.nhê nh Thổ mặt Cam bót	Tang tới Đạt phớc	Ya hạt điều Sng	Tang tới Đạt phớc
2	Drăm loi	Drăm cóc Chiêu liêu ỏi			Drăm cóc Chiêu liêu ỏi	Hang nam Thổ mặt Cambót	T. Plai rờ vi Sung		Dong hăng Cò ke cuống dài	Dong hăng Cò ke cuống dài	Dong hăng Cò ke cuống dài	Ya hạt điều Sng	Văn xrê Móng bò đỏ	Dong hăng Cò ke cuống dài	Ya hạt điều Sng		Ya hạt điều Sng	Nhên xrê Đòm có cọng	T.nhên h Thổ mặt Cambót	T.nhê nh Thổ mặt Cam bót	T.nhên h Thổ mặt Camb ót	T.cấp Bồ quân ấn	T.cấp Bồ quân ấn

1	Drām cóc Chiêu liêu ỏi	Drām cóc Chiêu liêu ỏi	Drām cóc Chiêu liêu ỏi	Drām cóc Chiêu liêu ỏi			Drām cóc Chiêu liêu ỏi		Nhên xê Đòm có cọng	Nhên xê Đòm có cọng	Văn xê Móng bò đỏ	Nhên xê Đòm có cọng	Nhên xê Đòm có cọng	Nhên xê Đòm có cọng	Văn xê Móng bò đỏ		Ya hạt điều Sng	T. cấp Bồ quân ấn	T.nhênh Thổ mặt Cambốt	T.nê nh Thổ mặt Cam bốt	T.cấp Bồ quân ấn	T.cấp Bồ quân ấn	T.cấp Bồ quân ấn	
Hàng	1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11	12	13	14		15	16	17	18	19	20	21	
Đòng										Đòng										Đòng				

Phụ lục 7: Danh mục loài cây thuốc có tại vườn thuốc buôn Drăng Phôk

STT	Tên phổ thông	Tên địa phương	Công dụng chính
1	Đạt phước	C. càng không T. Tang tươi	Trị ho
2	Thổ mật Cambốt	C. Hang nam, T. Nhênh	Phụ nữ sau sinh
3	Núc nác	C. Mạc lin mạy, T. Palung	Đau bụng, bỏng
4	Bồ quân ấn	C. Mạc beng, T. Cắp	Phụ nữ sau sinh
5	Cắm lai đen	C. Pa đông, T. Kôl	Tê liệt, sốt
6	Dốt sành	C. Nho sụm, T. Drôk răng	Phụ nữ sau sinh
7	Tóc tiên	C. Xi xạn, T. Nam phan	Trị Ho
8	Sổ đất	C. sạn tịa, T. Mlo xê	Phụ nữ sau sinh
9	Muồng gai	C. Ca chai, T. Tong dơ	Đau bụng
10	Sung	C. Mạc ka đưa, T. Plai rờ vi	Mụn nhọt
11	Đỏm có cọng	C. Săm sa tịa, T. Nhên xê	Phụ nữ sau sinh
12	Chiêu liêu ổi	T. Drăm cóc	Đau bụng
13	Móng bò đỏ	T. Vắn xê	Thuốc bổ
14		T Vắn Ham	
15	Biến hướng	Cà đực ưng, T. Agăy	Sốt rét
16	Trắc leo	C. Pa đông khọ, T. Rtao mil	Bệnh phù
17	Duối	T. Cot	Hạ nhiệt
18	Cốc đắng	C. cột căn, T. trần	đau bụng thổ tả
19	Sưng	Ja hạt điều	Phụ nữ sau sinh, đau bụng
20	Lá giang	Phak y loan, N'ha pro chil	Kiết lý, sưng đau
21	Chè long	C. xe tanh, T. chia ran quai	Thuốc bổ
22	Hà thủ ô trắng	Khưa pa song, T. Chao N'rắc	đau bụng, đái buốt
23	Cỏ lào	Nhạ nhện hó, tơm pút	Cầm máu, đau bụng
24	Muồng hôi	C. lấp mứn, T. Kê bê	đau lưng
25	Cáp gai nhỏ	T. Téc rmi, C. nuộc meo	Phụ nữ sau sinh
26	Chò nhai, râm	T. A sui; C. min mon	đau bụng
27	Chiêu liêu đen	T. Jia rế, C. Xược	Đau bụng, sỏi
28	Choại (chiêu liêu)	C. Hén, T. R dangia	Sốt rét; đau bao tử
29	Sổ 5 nhụy	T. Kung, C. mạc phen	Mụn nhọt ở tai
30	Cà chít	T Chít, C. cà chít	Đau bụng
31	Thị Mâm	T. Bôm; C. Hưỡng quang	Phụ nữ sau sinh
32	Côm Bắc bộ	C. Mạc khom	Phụ nữ sinh đẻ

STT	Tên phổ thông	Tên địa phương	Công dụng chính
33	Chòi mòi chua	T. tô rờ ne, C. mậu	Thuốc bổ cho phụ nữ
34	Thầu tấu	Tơm Kôn, Cốc mượt	
35	Ba đậu cuống dài	C. sắp pải,	Trị rắn cắn
36	Me rừng	T. Ajoắt, C. mạc kham bon	Nước ăn chân
37	Phèn đen lá nhỏ	T. Ngâu bam srê	Phụ nữ sau sinh
38	Biếc tràng	Sấm păn tưng	Bổ; mụn nhọt
39	Kơ nia	T. Nher, C. Pốc	Sốt nóng
40	Vùng	T. Tứ, C. Ka đồn	Rết cắn; đau bụng
41	Gối hạt	T. Si nít	Phụ nữ sinh lạnh bụng
42	Mã tiền quạ	T. Rơ vắk, C. Mạc xén	Sốt rét
43	Bằng lăng ổi	C. Pười si da, T. Khoar	Đau bụng
44	Chối đực	T. Puốc rơ hoai, C. nhạ khách	Sốt, giải nhiệt
45	Cắm xe	T. Rpeh, C. Đeng	Phụ nữ, sốt...
45	Lạc tiên	T. Rtao, C. Nhôn hạng	An thần
47	Táo gai	T. Gong, C. Mạc mai	Sốt rét
48	Gáo vàng	T. Quau	Mụn nhọt, sưng đau
49	Dành dành lá tù	T. Ra tó, C. Lom phục	Phụ nữ sau sinh, sốt rét
50	Cà Giam	T. Tăm dốt, C. thum plai	Sốt rét
51	Nhàu núi	T. nhao, C. Nho	Sốt rét, vàng da
52	Gáo trắng	C. Táp tau, T. Pơm	Mụn nhọt
53	Chùm hôi	C. Một	Đau răng
54	Nhãn dê	C. Mạc lược	Thuốc bổ
55	Cò ke cuống dài	T. Đông hăng	Đau bụng
56	Vác	T. Rtao dồk ngoi, Khưa hun	Mụn nhọt
57	Bình linh	Pa đông liêm	Tê liệt
58	Kim cang	T. Rtao Nam dong	Đau bao tử
59	Địa liên	T. Ajôr, C. Tạm mụp	Đau răng
60	Quau	T. Rơ lay	Trị đau bụng
61	Gòn rừng	Tơm?	Trị sốt, hạ nhiệt
62	Thành ngạnh	T. Rơ ngen	Đau mắt
63	Nhãn rừng	T. Dăm ong	Ho, đau bụng
64	Ngái	T. Thuật thôn	Đau bụng, giảm sốt
65	Bời lời nhót	T. Bôn, C. My	Mụn nhọt

Ghi chú: Bao gồm loài trồng thêm và loài có sẵn